

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ CAO TRÍ
(1945-2015)**

THE
MOUNTAIN
VIEW

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ CAO TRĨ
HUYỆN BA BÈ - TỈNH BẮC KẠN**

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ CAO TRĨ
(1945-2015)**

Năm 2017

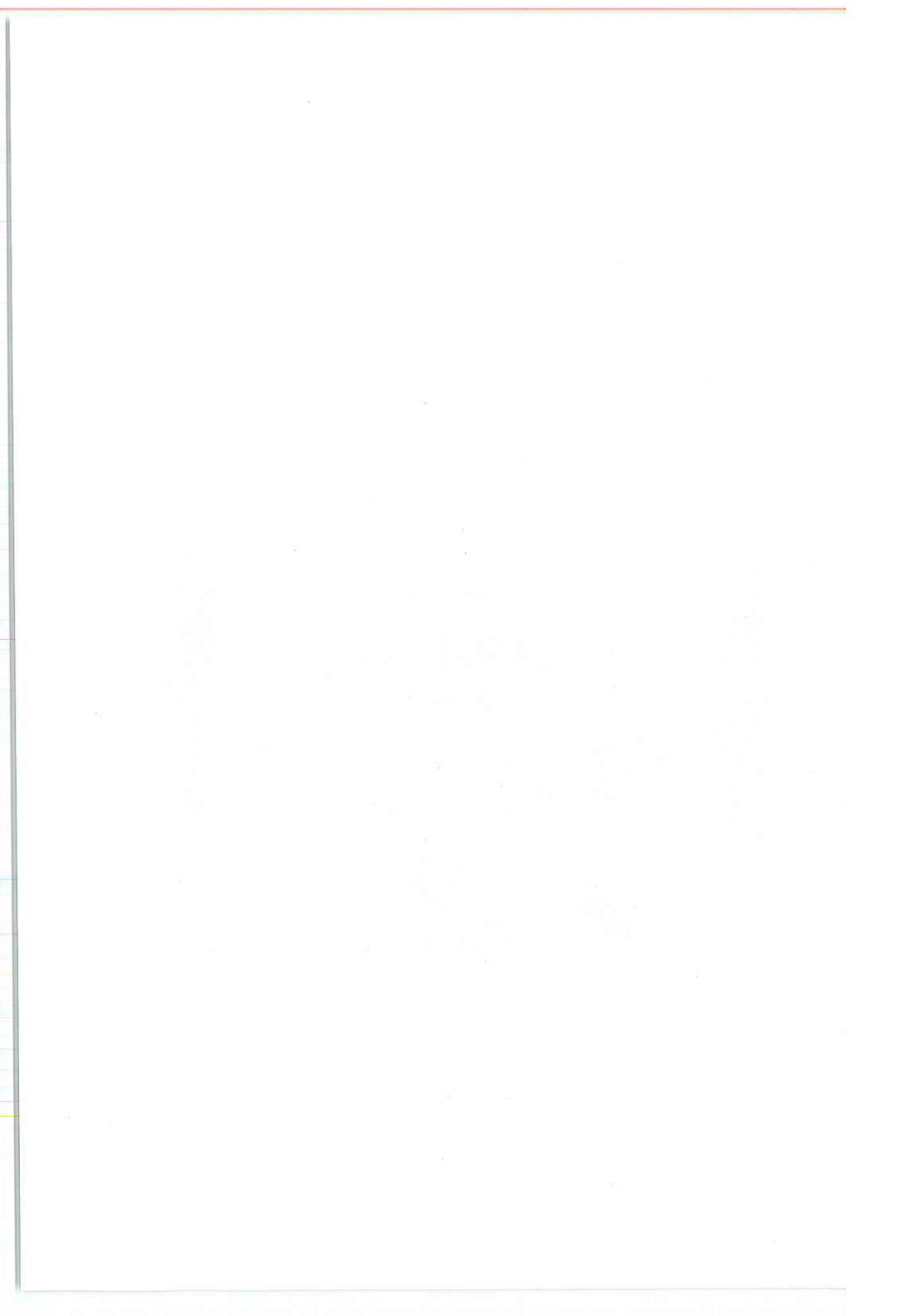
ĐẢNG BỘ XÃ CỘNG SẢN
HÀNG TRẠI

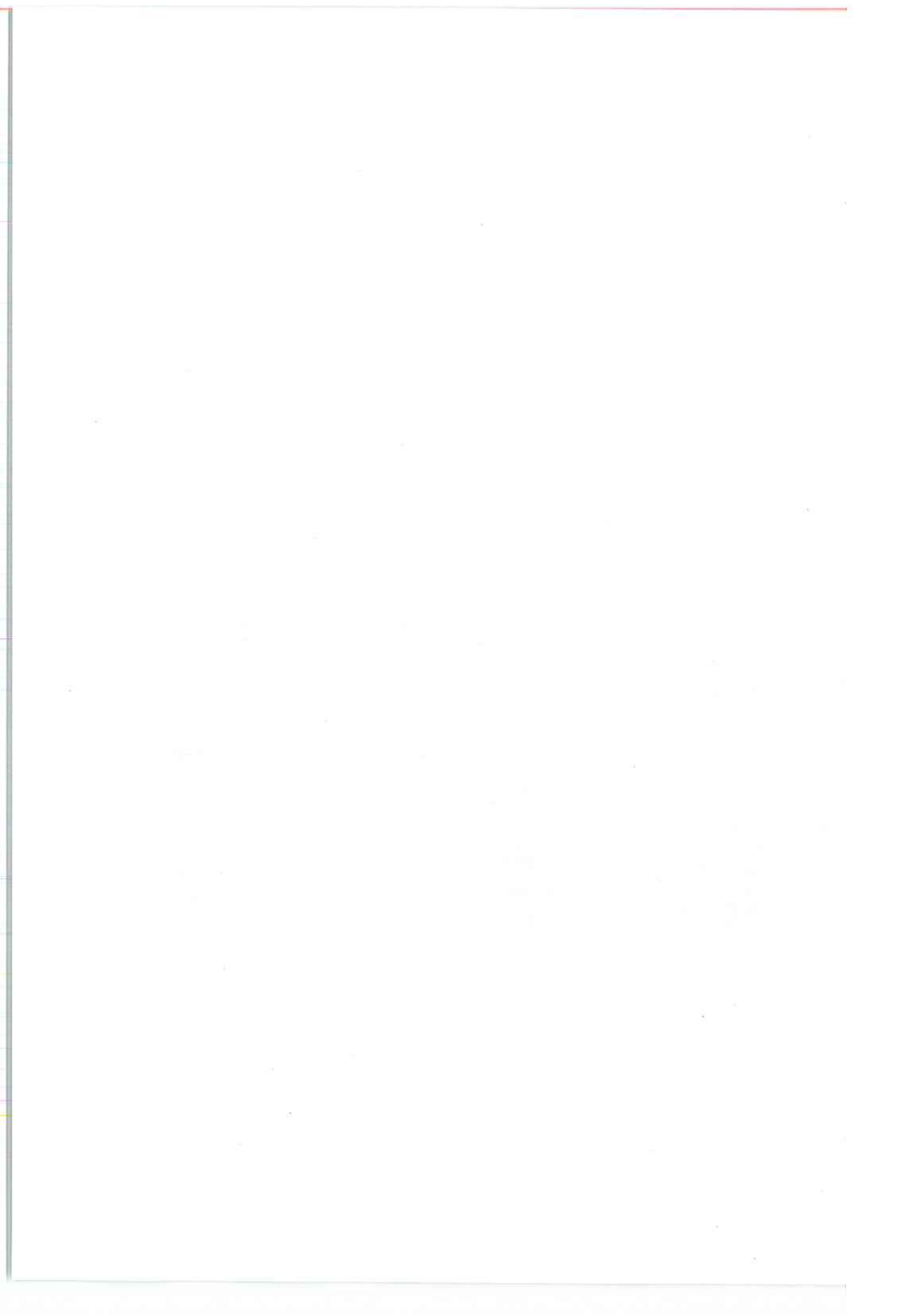
LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ CỘNG SẢN
(1945-2015)

Năm 2017



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890-1969)
NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG TA





BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN



Lôi Sĩ Điền

*Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND xã
Trưởng ban*



Hoàng Văn Phùng

*PBT Thường trực Đảng ủy
Phó ban*



Ma Thế Quang

*Phó Bí thư - Chủ tịch UBND xã
Phó ban*

BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU



Hoàng Văn Phùng
PBT Thường trực - Phó ban



Nông Minh Thơm
ĐUV, PCT UBND xã - Phó ban



Dương Thị Như Trang
PCT UBND xã - Phó ban



Hoàng Văn Thiêm
*ĐUV, Trưởng Công an
Thành viên*



Luân Văn Khiêm
*ĐUV, VP Thống kê
Thành viên*

BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU



Hoàng Văn Tú
Chủ tịch UBMTTQ
Thành viên



Dương Xuân Giáp
Chủ tịch Hội CCB
Thành viên



Nguyễn Thị Thuyền
ĐUV, CT Hội Phụ nữ
Thành viên



Lộc Thị Tuyết
Chủ tịch Hội nông dân
Thành viên



Triệu Thị Bưư
ĐUV, BT Đoàn thanh niên
Thành viên



Hoàng Thị Thư
Văn phòng Đảng ủy
Thành viên



Hội thảo Lịch sử Đảng bộ xã Cao Trĩ (1930-2015)

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Lôi Sĩ Điền

Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã - Trưởng ban

Hoàng Văn Phùng

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Phó Trưởng ban

Ma Thế Quang

Phó Bí thư, Chủ tịch UBND xã - Phó Trưởng ban

BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU

Hoàng Văn Phùng

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Trưởng ban

Nông Minh Thơm

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân - Phó Trưởng ban

Dương Thị Như Trang

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân - Phó Trưởng ban

Hoàng Văn Thiêm

Trưởng Công an - Ủy viên

Luân Văn Khiêm

Đảng ủy viên, Văn phòng TK - TV - Ủy viên

Hoàng Văn Tú

Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc - Ủy viên

Dương Xuân Giáp

Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh - Ủy viên

Nguyễn Thị Thuyên

Chủ tịch Hội Phụ nữ - Ủy viên

Lộc Thị Tuyết

Chủ tịch Hội Nông dân - Ủy viên

Triệu Thị Bưu

Bí thư Đoàn Thanh niên - Ủy viên

Hoàng Thị Thư

Văn phòng Đảng ủy - Ủy viên

BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

Cố vấn khoa học: PGS.TS Phạm Xuân Mỹ

Thạc sĩ Lịch sử: Chu Quang Khánh

Thạc sĩ Lịch sử: Phạm Thị Thiện

Cử nhân Lịch sử: Vũ Đức Nam

LỜI GIỚI THIỆU

Xã Cao Trĩ nằm ở phía tây bắc huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, cách trung tâm huyện 3km. Đây là vùng đất lâu đời có bề dày lịch sử, truyền thống văn hóa với quá trình đấu tranh cách mạng anh dũng, kiên cường. Sức sáng tạo và lòng quả cảm của người dân Cao Trĩ không chỉ thể hiện trong công cuộc chinh phục thiên nhiên, mở mang địa bàn cư trú, canh tác mà còn được khẳng định trong quá trình đấu tranh anh dũng chống giặc ngoại xâm để bảo vệ quê hương, đất nước. Những phẩm chất quý báu ấy đã hình thành, hun đúc nên những giá trị tinh thần, truyền thống cách mạng và truyền thống văn hóa lịch sử, trở thành niềm tự hào của các thế hệ người dân Cao Trĩ hôm nay và mai sau.

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập đã mở ra bước ngoặt mới cho phong trào đấu tranh cách mạng ở Việt Nam. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Cao Trĩ không ngừng phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết đấu tranh, chống áp bức, bóc lột của thực dân phong kiến. Dưới ánh sáng soi đường của Đảng, nhân dân Cao Trĩ đã góp phần cùng nhân dân cả nước vùng dậy làm nên thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 chấm dứt ách đô hộ hơn 80 năm của thực dân Pháp, lật đổ chế độ phong kiến tồn tại hàng ngàn năm trên đất nước ta, giành lại quyền độc lập,

tự do cho nhân dân, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, xã Cao Trĩ (ngày nay) có tên gọi là xã Việt Hùng. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Chợ Rã, cán bộ và nhân dân xã Việt Hùng một lòng một dạ tin theo Đảng, ra sức bảo vệ chính quyền cách mạng, chăm lo hậu phương, tích cực chi viện cho tiền tuyến, làm nên thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ “lùng lầy năm châu, chấn động địa cầu” (7-5-1954).

Qua thực tiễn các phong trào cách mạng, nhiều quần chúng ưu tú là con em xã nhà đã được giác ngộ lý tưởng, bồi dưỡng tích cực tham gia công tác chính quyền, đoàn thể, được vinh dự đứng trong hàng ngũ những người cộng sản. Đó là tiền đề quan trọng để thành lập Chi bộ xã Việt Hùng (1955). Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước Chi bộ xã Việt Hùng (từ năm 1964 đổi tên là Cao Trĩ) đã tích cực lãnh đạo nhân dân góp sức xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam đấu tranh thống nhất nước nhà.

Bước vào thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (sau 1975), dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng và chính quyền xã, cán bộ, nhân dân xã Cao Trĩ tập trung vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục viết lên những trang sử hào hùng mới. Đặc biệt, từ sau Đại hội lần thứ VI (12-1986) của Đảng, trải qua gần 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, cán bộ và nhân dân xã Cao Trĩ ra sức phát triển kinh tế, xây dựng quê hương, đất nước giàu đẹp. Đây cũng là thời kỳ chứng kiến sự trưởng thành và lớn mạnh

của tổ chức Đảng cơ sở. Năm 1988, Đảng bộ xã Cao Trĩ thành lập, đáp ứng kịp thời yêu cầu lãnh đạo phong trào địa phương trong tình hình mới.

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 28-2-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX, chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Ba Bể về công tác nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng bộ cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cao Trĩ nhiệm kỳ 2010-2015 đã ra Nghị quyết về việc sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn sách “Lịch sử Đảng xã Cao Trĩ 1945-2015”. Cuốn sách được biên soạn nhằm ghi dấu lại những kết quả mà Đảng bộ và nhân dân xã Cao Trĩ đã đạt được trong suốt chặng đường lịch sử từ khi có Đảng lãnh đạo; thể hiện tinh thần anh dũng, kiên cường trong chiến đấu; năng động, sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội, qua đó góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, nâng cao niềm tin cho cán bộ đảng viên và nhân dân trong xã, đặc biệt là thế hệ trẻ. Những trang sử vàng đó đã và đang tạo ra sức mạnh cho Cao Trĩ vững bước trên con đường đổi mới và xây dựng quê hương giàu đẹp.

Cuốn sách được xuất bản và ra mắt bạn đọc là sự nỗ lực của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, các đồng chí trong Ban Chỉ đạo, Ban Sưu tầm tư liệu, Ban Nghiên cứu - Biên soạn, cũng như sự tham gia nhiệt tình trong việc cung cấp thông tin tư liệu và đóng góp ý kiến của các đồng chí cán bộ, đảng viên là nhân chứng hoạt động qua các thời kỳ và toàn thể nhân dân trong xã. Nhân dịp xuất bản, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cao Trĩ xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, chỉ đạo của Ban Thường vụ, Ban Tuyên giáo Huyện

ủy Ba Bể, Ban Suu tầm tư liệu, Ban Nghiên cứu - Biên soạn, cán bộ, đảng viên nguyên là lãnh đạo địa phương qua các thời kỳ và nhân dân trong xã đã giúp chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do nguồn tài liệu lưu trữ không được đầy đủ, cũng như các nhân chứng lịch sử người còn, người mất nên cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng chí cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã, cùng bạn đọc gần xa để lần tái bản sau cuốn sách sẽ hoàn thiện hơn.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ

Bí thư

Lôi Sĩ Điền

Chương I

CAO TRĨ - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Cao Trĩ nằm ở phía tây bắc của huyện Ba Bể, cách trung tâm huyện (thị trấn Chợ Rã) 3km. Xã có vị trí: phía đông giáp xã Thượng Giáo; phía tây giáp các xã Khang Ninh, Cao Thượng; phía nam giáp các xã Thượng Giáo, Khang Ninh; phía bắc giáp xã Nghiên Loan (huyện Pác Nặm).

Cao Trĩ có địa hình đồi núi cao và phức tạp, độ cao trung bình từ 400 - 1.200m so với mặt nước biển. Xã nằm trong vùng caxtơ Ba Bể - Chợ Đồn, hai khối này là khối đá vôi Givet nằm trên phiến đá Proterozol, bên cạnh hai khối đá hoa cương. Do địa hình bị chia cắt nên các thôn trong xã phân tán, đa số nằm theo dọc bờ sông Năng. Dạng địa hình caxtơ điển hình đã tạo ra một hệ thống các hang động, núi đá vôi đẹp ở Cao Trĩ như: động Thắm Ân (thôn Bản Ngụ 1), Phja Linh (Nà Chả), Thắm Tua Ninh (thôn Kéo Pọt)... Xã có tổng diện tích đất tự nhiên là 2.424,98ha trong đó đất nông lâm nghiệp là 2.261,54ha, đất phi nông nghiệp 131,27ha.

Cao Trĩ nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 20°C. Chênh lệch nhiệt độ các tháng trong năm tương đối cao. Tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 6 có lúc lên tới 39°C, tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 12, có khi xuống còn 4-5°C. Lượng mưa trung bình năm 1.248mm, phân bố không đều giữa các tháng trong năm. Độ ẩm không khí khá cao từ 83-85%.

Điều kiện khí hậu của xã tương đối thuận lợi cho cuộc sống sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, là xã vùng cao nên vào mùa đông có sương mù, mưa phùn, thời tiết hanh khô có khi phải chịu hạn hán. Vào mùa mưa do địa hình cao, độ dốc lớn, có mưa nhiều, thường xảy ra lũ quét làm sạt lở đất của các dãy đồi, núi, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt hàng ngày của người dân.

Xã Cao Trĩ có nguồn thủy văn tương đối phong phú. Trong đó, nguồn cung cấp nước chủ yếu của người dân được lấy từ sông Năng¹. Dòng sông Năng kết hợp với các đường bộ tạo nên hệ thống giao thông, giao thương

1. Sông Năng được hợp thành từ nhiều khe suối nhỏ thuộc huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm (tỉnh Cao Bằng) và huyện Pác Nặm (tỉnh Bắc Kạn). Thượng nguồn của sông Năng gồm hai nhánh, nhánh phía bắc chảy từ tỉnh Cao Bằng xuống, nhánh phía tây trên địa bàn huyện Pác Nặm. Hai nhánh sông nay hợp lưu tại địa phận xã Bằng Thành rồi trở thành ranh giới tự nhiên giữa hai tỉnh Cao Bằng và Bắc Kạn. Tại huyện Ba Bể, sông Năng chảy qua địa phận các xã Bành Trạch, Thượng Giáo, Cao Trĩ, Khang Ninh, Cao Thượng, Nam Mẫu. Đoạn chảy qua xã Cao Trĩ dài 3km.

tương đối thuận lợi giữa Cao Trĩ với nhiều địa phương trong huyện Ba Bể, khu du lịch vùng hồ với huyện Chợ Đồn, Na Hang (Tuyên Quang) và Bảo Lạc (Cao Bằng). Ngoài sông Năng, trên địa bàn xã còn có nhiều suối nhỏ. Đây là nguồn nước tự nhiên được nhân dân khai thác phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp và sinh hoạt của người dân. Tuy nhiên, do có độ dốc lớn nên lưu vực suối rất nhỏ, thường gây ra lũ ống cục bộ, ảnh hưởng đến việc đi lại và sản xuất của nhân dân.

Cao Trĩ có nguồn tài nguyên thiên nhiên tương đối phong phú. Trong đó, rừng là nguồn tài nguyên chính, mang lại giá trị kinh tế cao. Theo số liệu thống kê đất đai năm 2010, tổng diện tích đất rừng toàn xã là 1.964,35ha. Diện tích rừng sản xuất được trồng các loại như mỡ, keo... Đến năm 2015, một số diện tích rừng đã được đưa vào khai thác, sử dụng. Trong rừng, các loài động vật hoang dã còn lại rất ít, chủ yếu là các loài động vật nhỏ như chim, chồn...

Với những thuận lợi cơ bản và khó khăn về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên đã và đang tạo ra điều kiện cũng như thách thức cho Cao Trĩ trong giao lưu, trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế và văn hóa - xã hội. Đặc biệt, trong thời kỳ cả nước đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhân dân xã Cao Trĩ đã và đang phát huy tối đa những tiềm năng sẵn có, từng bước xây dựng quê hương theo hướng giàu đẹp, văn minh.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Đến năm 2015, trên địa bàn xã Cao Trĩ có 4 dân tộc anh em cùng sinh sống là: Tày, Nùng, Dao, Kinh với dân số hơn 2.000 người. Lực lượng lao động có trên 1.000

người. Trải qua lịch sử lâu dài, nhưng người dân nơi đây đã hình thành nên truyền thống canh tác nông - lâm nghiệp, biết phát huy tiềm năng, lợi thế về thiên nhiên để tồn tại và phát triển.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, toàn xã chỉ có con đường nối từ trung tâm thị trấn Chợ Rã đến hồ Ba Bể¹. Tính đến năm 2015, trên địa bàn xã đã có nhiều tuyến đường được mở, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân. Đặc biệt, năm 1998, tỉnh Bắc Kạn thực hiện dự án cải tạo nâng cấp tuyến Tỉnh lộ 258 - tuyến đường huyết mạch hơn 40km nối huyện Bạch Thông với Ba Bể². Từ khi tuyến đường 258 được nâng cấp, nhiều cơ sở gia công, sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và nhà cao tầng hai bên đường được mọc lên, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy hoạt động kinh tế, dịch vụ thương mại của địa phương phát triển. Cũng từ đây, nhiều lâm, thổ sản của tỉnh Bắc Kạn nói chung và xã Cao Trĩ nói riêng được lưu thông, quảng bá ra bên ngoài.

Do có những lợi thế về nguồn nước và thổ nhưỡng nên ở Cao Trĩ, hầu hết các hộ gia đình vẫn sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp. Đảng ủy xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; chú trọng đưa những cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao vào sử dụng như các giống lúa, ngô

1. Con đường này từ năm 1931-1932 được mở rộng để đón vua Bảo Đại lên thăm hồ Ba Bể.

2. Tỉnh lộ 258 được hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 1999. Đến cuối năm 2012, Tỉnh lộ 258 tiếp tục được đầu tư, nâng cấp theo tiêu chuẩn đường cấp 4 miền núi.

mới, cây rau màu, cây ăn quả, đầu tư phát triển chăn nuôi lợn thịt, lợn nái, gà thả vườn... Ngoài ra, chính quyền địa phương còn tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước để đầu tư xây dựng các công trình phục vụ dân sinh như đường giao thông nông thôn, kênh mương thủy lợi, trạm y tế, trường học... phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nhờ những chính sách hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực của toàn Đảng bộ và nhân dân, nhiều hộ trong xã không chỉ vươn lên thoát nghèo mà còn trở thành hộ sản xuất kinh doanh giỏi cấp xã, huyện có thu nhập từ 60-70 triệu đồng/năm.

Mặc dù còn nhiều khó khăn thử thách, song với truyền thống đoàn kết, tinh thần lao động cần cù, phát huy nội lực của địa phương, Đảng bộ và nhân dân xã Cao Trĩ quyết tâm hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tạo nên diện mạo mới cho nông thôn, đáp ứng yêu cầu cầu đổi mới.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÙNG ĐẤT VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

1. Quá trình hình thành vùng đất

Là một trong 16 xã, thị trấn thuộc huyện Ba Bể, Cao Trĩ có lịch sử hình thành lâu đời. Các di chỉ khảo cổ học đã chứng minh vùng đất này có con người cư trú từ rất sớm. Những dấu tích của người tiền sử được phát hiện tại Cao Trĩ càng củng cố thêm cho nhận định này. Năm 2001, tại khu vực Thảm Hẫu thuộc thôn Dải Khao (cách sông Năng khoảng 300m về phía tây), các nhà khảo cổ phát

hiện một mái đá lớn cao hơn chân núi khoảng 40m. Trên bề mặt mái đá có nhiều tảng đá lớn từ trần mái đá sập xuống phủ kín khắp bề mặt. Ở góc trái nhìn từ bên ngoài vào có dấu hiệu bị đào bới do người dân địa phương khai thác phân dơi. Tại vị trí này, đoàn khảo sát đã tìm được 34 di vật đá gồm nhiều loại công cụ như: rìu lưỡi ngang, công cụ mũi nhọn, công cụ nạo, cắt, mảnh tước, vỏ ốc... trên bề mặt mái đá. Ngoài địa điểm Thảm Hẫu, đoàn còn phát hiện được 8 di vật đá tại Thảm Cốc Nghiu (thôn Kéo Pụt), 2 di vật đá tại Thảm Ấn (Bản Ngụ). Bước đầu có thể kết luận các di vật cổ là của người tiền sử thuộc thời kỳ đồ đá cũ. Ở Thảm Mỹ, đoàn điều tra đã thu được 10 di vật đá, cùng với những di vật đã phát hiện năm 2001, góp phần củng cố thêm nhận định đây là một địa điểm cư trú của người nguyên thủy thuộc hệ thống văn hóa Hòa Bình có niên đại khoảng 10.000 năm trước.

Địa phận huyện Ba Bể, trong đó có xã Cao Trĩ (ngày nay) dưới thời Văn Lang thuộc bộ Vũ Định¹. Thời Tiền Lê và thời Lý thuộc châu Thái Nguyên. Sang đời Trần, châu Thái Nguyên đổi thành trấn Thái Nguyên. Đến thời Nguyễn, năm Minh Mệnh thứ 12 (năm 1831), trấn Thái Nguyên được đổi thành tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi hoàn thành công cuộc chinh phục và bình định các tỉnh miền núi phía bắc, ngày 11-4-1900, toàn quyền Đông Dương ra nghị định tách một phần đất thuộc tỉnh Thái Nguyên thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm 4 châu:

1. Nguyễn Trãi, *Dur địa chí*, tr.48.

Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (sau đổi thành Na Rì) và Cẩm Hóa (sau đổi thành Ngân Sơn). Lúc này vùng đất Cao Trĩ thuộc tổng Thượng Giáo, châu Chợ Rã, tỉnh Bắc Kạn.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, địa bàn Cao Trĩ ngày nay có tên là xã Việt Hùng. Đến năm 1964, thực hiện chủ trương của cấp trên, xã Việt Hùng được đổi tên thành xã Cao Trĩ¹ gồm các thôn: Khau Bút, Khau Tậu, Bản Ngù, Phiêng Toản, Bản Piềng, Kéo Pụt, Dài Khao. Về tên gọi Cao Trĩ, theo các cụ cao niên trong xã thì tên gọi này xuất phát từ hình dáng của phần đầu ngọn núi Phja Lình nhìn như chim Trĩ.

Năm 2000, thực hiện Quyết định 364-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính các xã thuộc huyện Ba Bể, thôn Khau Bút của xã Cao Trĩ sáp nhập về xã Cao Thượng; thôn Khau Tậu nhập vào xã Nghiên Loan². Nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển của địa phương trong tình hình mới, năm 2011, thôn Bản Piềng tách thành thôn Bản Piềng 1, Bản

1. Từ năm 1965-1996, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái. Huyện Chợ Rã từ năm 1965-1978 thuộc tỉnh Bắc Thái; từ năm 1978-1996 thuộc tỉnh Cao Bằng. Từ năm 1984, huyện Chợ Rã đổi tên thành huyện Ba Bể. Đến năm 1997, tỉnh Bắc Kạn được tái lập, huyện Ba Bể nhập về thuộc tỉnh Bắc Kạn. Như vậy, giai đoạn từ 1965-1997, địa giới hành chính tỉnh, huyện được điều chỉnh liên tục nhưng xã Cao Trĩ vẫn có sự ổn định về địa giới hành chính có 8 thôn là: Khau Bút, Khau Tậu, Bản Ngù, Phiêng Toản, Bản Piềng, Kéo Pụt, Dài Khao, Nà Chả.

2. Xã Nghiên Loan nay thuộc huyện Pác Nặm.

Piêng 2; thôn Bản Ngù tách thành thôn Bản Ngù 1 và bản Ngù 2. Lúc này, xã Cao Trĩ có 8 thôn là: Bản Ngù 1, Bản Ngù 2, Phiêng Toản, Bản Piêng 1, Bản Piêng 2, Kéo Pụt, Dài Khao và Nà Chả.

2. Truyền thống lịch sử, văn hóa

Truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm: Để có được cuộc sống bình yên, xây dựng quê hương như ngày hôm nay, đồng bào các dân tộc xã Cao Trĩ qua các thế hệ nối tiếp nhau, cùng nhân cả nước đứng lên chống giặc ngoại xâm. Từ thực tế đấu tranh dựng nước và giữ nước đã hình thành nên truyền thống yêu nước, tinh cổ kết cộng đồng của đồng bào các dân tộc nơi đây.

Thế kỷ XI, đất nước đứng trước họa xâm lược của quân Tống, nhân dân Cao Trĩ tích cực tham gia đạo quân 5.000 người dân tộc thiểu số do tù trưởng Thân Cảnh Phúc trực tiếp chỉ huy cùng với đại quân nhà Lý tiêu diệt các cứ điểm quân sự trên đất Tống.

Năm 1407, cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược của nhà Hồ thất bại. Nhà Minh chia đất nước ta thành các quận, huyện để cai trị, đàn áp nhân dân ta bằng thuế má, lao dịch nặng nề, khiến cho đời sống nhân dân vô cùng cực khổ, không chịu khuất phục trước kẻ thù, nhân dân cả nước nổi dậy ở nhiều nơi. Trên vùng đất Thái Nguyên (bao gồm cả Bắc Kạn ngày nay), dưới sự lãnh đạo của Trần Nguyên Khang, Nguyễn Đa Bí, Chu Sư Nhan, Bùi Quý Thăng, Nguyễn Khắc Chấn, Dương Khắc Chung, nhân dân Cao Trĩ cùng với cộng đồng các dân tộc tham gia vào các nghĩa quân chống lại sự đô hộ của nhà Minh.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Năm 1884, với việc ký kết Hiệp định Pa-tơ-nốt, thực dân Pháp chính thức áp đặt được quyền thống trị lên toàn cõi Việt Nam. Từ đây, nhân dân các dân tộc Cao Trĩ nói riêng và đồng bào cả nước nói chung phải sống dưới ách đô hộ của chính quyền thực dân phong kiến, chịu bao khổ cực của một kiếp đời nô lệ. Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Cao Trĩ cùng đồng bào cả nước anh dũng đấu tranh, lần lượt đánh đuổi 2 tên thực dân, đế quốc mạnh trong thế kỷ XX là Pháp và Mỹ. Trong suốt những năm tháng kháng chiến, nhân dân Cao Trĩ không ngại khó khăn hi sinh gian khổ, một lòng son sắt, vững bước dưới lá cờ Đảng đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Ngày nay, phát huy truyền thống yêu nước, nhân dân các dân tộc xã Cao Trĩ luôn đoàn kết ra sức thi đua xây dựng quê hương ngày càng phát triển.

Truyền thống văn hóa: Cộng đồng dân cư ở Cao Trĩ (ngày nay) là sự kết hợp của người dân bản địa và những người di cư từ các nơi khác đến, định cư thành dòng họ, xóm bản. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, Cao Trĩ trở thành nơi quần tụ của nhiều dòng họ và cộng đồng dân tộc. Dòng họ đến Cao Trĩ sớm nhất là các họ: Dương, Hoàng... Hàng nghìn năm trước, cư dân người Tày đã định cư tại nơi này và trở thành tộc người bản địa chiếm đa số. Người Nùng, người Dao đến cư ngụ khoảng hơn 150 năm về trước. Trong khi đó người Kinh chỉ mới định cư được khoảng trên 80 năm. Dù điều kiện kinh tế, nền tảng văn hóa - xã hội khác nhau nhưng tất cả người dân

Cao Trĩ đều có chung tinh thần lạc quan, cần cù, sáng tạo trong lao động và lòng yêu quê hương, đất nước tha thiết.

Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, mảnh đất Cao Trĩ là nơi lưu giữ nét văn hóa truyền thống của nhân dân các dân tộc Tày, Nùng... với những nếp nhà sàn nằm nép mình bên triền núi. Đây là nơi ẩn chứa kho tàng văn hóa, nghệ thuật cổ truyền với điệu hát Then, Sli, Lượn và cây đàn Tính...

Đồng bào các dân tộc trên địa bàn xã chủ yếu theo tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Vào ngày lễ tết, ngày rằm, mừng 1 hàng tháng, người dân đều thắp hương, cầu mong tổ tiên phù hộ cho gia đình khỏe mạnh, mùa màng bội thu. Đặc biệt, theo thông lệ, cứ vào tháng Giêng hàng năm, nhân dân Cao Trĩ lại tung bừng không khí ngày hội Lồng Tồng (xuống đồng). Đây lễ hội truyền thống trong năm, gắn liền với sản xuất nông nghiệp, trồng trọt. Lễ hội được tổ chức với các nghi lễ cầu mùa màng, thần Nông và các vị thần linh phù hộ cho mưa thuận gió hòa, vạn vật sinh sôi nảy nở, mùa màng tốt tươi, cuộc sống của nhân dân ấm no hạnh phúc. Hội còn là nơi sinh hoạt văn hóa của cộng đồng với nhiều trò chơi sôi động, đặc sắc như tung còn, kéo co, đấu vật... là dịp để trai gái xa gần tìm hiểu nhau và bện duyên vợ chồng, là lời nhắc nhở những thế hệ người con Cao Trĩ luôn biết yêu và giữ gìn truyền thống quê hương.

Bên cạnh những giá trị đạo đức mang tính chất chung, phổ quát góp phần củng cố mối quan hệ đoàn kết bền chặt của cộng đồng, nhân dân các dân tộc xã Cao Trĩ còn bảo lưu những truyền thống văn hóa vật chất, tinh thần độc đáo, thể hiện bản sắc của mỗi tộc người như điệu lượn Nùng nàng Ơi (thôn Nà Chả), điệu Phong Slur (dân tộc Tày

thôn Bản Ngụ)... Ngoài ra, đồng bào Tày, Nùng còn có một kho tàng thơ ca hết sức phong phú, giàu chất dân gian.

Quần tụ trên mảnh đất có truyền thống văn hóa, lịch sử lâu đời, đồng bào các dân tộc xã Cao Trĩ sống chân thành, mến khách, có tinh thần tương thân, tương ái, thường thăm hỏi, giúp đỡ, tặng quà cho những người họ hàng hay hàng xóm gặp hoàn cảnh khó khăn, đau ốm hay cho trẻ sơ sinh đầy tháng... Dù mang trong mình những nét văn hóa khác biệt nhưng dân tộc nào cũng hăng hái tham gia các hoạt động cộng đồng, tôn trọng những mối quan hệ anh em, bạn bè.

Truyền thống lao động, sản xuất: Cao Trĩ là xã có phần lớn diện tích là núi đá xen lẫn núi đất nên quá trình tụ cư, phát triển sản xuất, xây dựng quê hương là quá trình lao động, đấu tranh gian khổ, gay go và phức tạp của cộng đồng các dân tộc nơi đây. Bằng bàn tay lao động và khối óc sáng tạo, người dân Cao Trĩ đã biết dựa vào thuận lợi của điều kiện tự nhiên, khắc phục khó khăn, cùng chung sức, chung lòng biến đất hoang thành ruộng đồng, thôn bản trù phú. Những nét đẹp đó được người dân nơi đây gìn giữ và phát huy, tạo thành một khối đoàn kết gắn bó nhằm chiến thắng mọi thử thách của thiên tai, địch họa, bảo vệ và phát triển cuộc sống.

Với đặc trưng về địa hình, lòng sông, suối dốc và sâu, để trữ nước tưới cho đồng ruộng, nhất là các chân ruộng bậc thang, đồng bào phải làm nương, phai, làm guồng nước... Ngoài ra, họ còn biết lợi dụng sức nước để phục vụ sản xuất và đời sống như: làm cối giã gạo bằng nước, máy bột bông, xuôi mảng bằng thuyền bè.

Bên cạnh việc trồng lúa, ngô, đồng bào các dân tộc trong xã còn trồng khoai, sắn, bầu, bí, các loại đỗ, nhất là đỗ xanh để bổ sung lương thực và rau xanh cho các bữa ăn hàng ngày. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển nhất là trong đồng bào Tày, Nùng như trâu, bò, ngựa, gà, vịt, ngan, ngỗng...

Giống như nhiều địa phương khác trên địa bàn huyện Ba Bể, Cao Trĩ có một số nghề thủ công gia đình, trong đó phát triển nhất là nghề dệt vải khổ hẹp, dệt thổ cẩm. Phụ nữ có nhiều kinh nghiệm trong việc trồng bông, kéo sợi, dệt vải, nhuộm chàm, pha màu sợi thổ cẩm. Nam giới thì giỏi các nghề mộc (đục đẽo cột nhà, thuyền độc mộc, khung dệt vải, guồng nước, cày bừa), đan lát, rèn nông cụ.. để phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất.

Ở Cao Trĩ, mỗi dân tộc lại có một tập quán sản xuất khác nhau tạo nên sự phong phú, đa dạng trong đời sống kinh tế của đồng bào các dân tộc trong xã. Người Tày làm ruộng nước là chính. Bên cạnh đó, họ còn trồng một số loại rau màu như ngô, khoai, sắn, bầu bí, các loại dưa, đậu, các loại chuối, mía kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm... Người Dao canh tác lúa nương, ngô kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm. Ngoài trồng bông dệt vải tự túc cái mặc, nhìn chung các ngành nghề trong đồng bào Dao ít phát triển. Ngày nay, đa số đời sống đồng bào được cải thiện hơn nhưng vẫn còn có nhiều hộ đang còn gặp khó khăn. Trong khi đó, người Kinh sống chủ yếu bằng hình thức kinh doanh dịch vụ, buôn bán, tiểu thủ công nghiệp...

Với sự phát triển của kinh tế, cùng sự đầu tư, quan tâm của Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền, các tập

quán canh tác cũ của đồng bào trong xã dần được thay thế bởi những kĩ thuật canh tác mới mang lại hiệu quả cao. Nhờ đó, mảnh đất Cao Trĩ đang từng ngày đổi thay.

Truyền thống hiếu học: Cùng với truyền thống đoàn kết, yêu quê hương, đất nước, nhân dân Cao Trĩ cũng rất hiếu học. Trải qua các thời kỳ lịch sử, truyền thống hiếu học của nhân dân Cao Trĩ luôn được phát huy. Các thế hệ người dân Cao Trĩ ngày nay không ngừng vượt lên mọi khó khăn để đến trường, tiếp thu tri thức xây dựng quê hương, đất nước. Nhiều người con của xã đã kế tiếp và phát huy những tinh hoa của ông cha, phấn đấu và trưởng thành. Công tác giáo dục ở Cao Trĩ được luôn được chú trọng và đạt nhiều thành tích nổi bật. Những năm gần đây, trên địa bàn xã có hàng chục con em thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng. Đây chính là nguồn nhân lực quan trọng để xây dựng quê hương, đất nước giàu mạnh, xứng đáng với sự hy sinh của biết bao thế hệ ông, cha đi trước.

Truyền thống đoàn kết trong sản xuất, đoàn kết chiến đấu chống giặc ngoại xâm là sức mạnh tinh thần vô giá của nhân dân địa phương được gìn giữ, phát huy theo bề dày của lịch sử xây dựng, bảo vệ quê hương, đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, những truyền thống tốt đẹp đó đang được phát huy có hiệu quả, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng quê hương Cao Trĩ ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Chương II

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG NHÂN DÂN CAO TRĨ THAM GIA ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

I. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở CAO TRĨ TRƯỚC NĂM 1945

1. Tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội dưới thời Pháp thuộc

Sau khi bình định xong nước ta, thực dân Pháp ráo riết thực hiện nhiều biện pháp cai trị, bóc lột nhân dân ta. Tại khu vực Bắc Kạn lúc này, ngày 11-4-1900, toàn quyền Đông Dương ra Nghị định tách một phần đất thuộc Thái Nguyên thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm 4 châu: Thông Hóa (sau đổi thành Na Rì), Bạch Thông, Cẩm Hóa (sau đổi thành Ngân Sơn) và châu Chợ Rã (nay là huyện Ba Bể)¹. Khi đó vùng đất Cao Trĩ thuộc tổng Thượng Giáo, châu Chợ Rã. Với đặc điểm là vùng miền núi, thực dân Pháp vừa áp dụng chính sách cai trị bóc lột mới, đồng thời tiếp tục duy trì hình thức cai trị bóc lột cũ có đặc trưng bản xứ.

Về chính trị: Thực dân Pháp áp dụng chính sách “chia để trị”, “dùng người Việt trị người Việt”. Bên cạnh bộ

1. Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1930-1945), tr.12

máy quan lại phong kiến, thực dân Pháp thiết lập bộ máy cai trị đến tận cấp tỉnh. Dưới chính quyền tỉnh Bắc Kạn là 4 châu, đứng đầu là Tri châu. Dưới châu là tổng, đứng đầu là Chánh tổng, Phó tổng. Bộ máy cai trị cấp tổng có nhiệm vụ truyền đạt, đôn đốc cấp dưới thực thi nhiệm vụ mà chính quyền cấp trên giao phó. Tại các bản, thường có lý trưởng, phó lý, thủ bạ, xã đoàn và kỳ mục. Bộ máy cai trị từ cấp châu trở xuống, thực dân Pháp để cho người bản địa nắm giữ.

Thực hiện chính sách chia để trị thâm độc, thực dân Pháp cho tay sai dựng lên những câu chuyện bịa đặt, xuyên tạc hòng kích động mâu thuẫn, thù hằn giữa các dân tộc trên địa bàn châu Chợ Rã nói chung và Cao Trĩ nói riêng. Đồng thời, chúng tăng cường các hoạt động quân sự, lập đồn bốt hòng kiểm soát tinh thần phản kháng của đồng bào. Trên địa bàn châu Chợ Rã, chúng đặt hai đồn binh gồm đồn lính khố xanh ở huyện lỵ và đồn bang tá ở Pác Nặm. Hai đồn này liên kết với các đồn Phủ Thông (Bạch Thông), Kéo Lèng (Bằng Khẩu, Ngân Sơn) tạo thành hệ thống đồn bốt kìm kẹp nhân dân Chợ Rã. Dựa vào bộ máy này chúng tạo nên không khí chính trị hết sức ngột ngạt, khủng bố tinh thần đấu tranh của nhân dân. Bọn tay sai thực dân Pháp cũng thường xuyên ăn chặn, ức hiếp, vơ vét, bóc lột người dân.

Về kinh tế: Sau khi thiết lập được ách đô hộ lên đất nước ta, thực dân Pháp bắt tay vào công cuộc khai thác thuộc địa. Dưới ách thống trị của thực dân phong kiến, nhân dân các dân tộc ở Cao Trĩ vô cùng cực khổ. Chúng đặt ra rất nhiều thứ thuế, trong đó nặng nề nhất là thuế

đình và thuế điền. Thuế đình (hay còn gọi là thuế thân) là loại thuế đánh vào tất cả đàn ông từ 18-60 tuổi và chia làm 2 loại: Loại nội tịch (những người có tài sản) mỗi đầu người phải nộp 3 đồng, và loại ngoại tịch (những người không có tài sản hoặc ở nơi khác đến cư trú) mỗi đầu người phải nộp 1,5 đồng/năm. Thuế điền là loại thuế đánh vào ruộng đất và chia làm các hạng từ 4 - 7 đồng/1 mẫu Bắc bộ¹.

Ngoài 2 loại thuế trên người dân Cao Trĩ cũng như nhân dân trong toàn châu Chợ Rã còn phải chịu nhiều loại thuế khác: Thuế môn bài (đánh vào những người buôn bán), thuế muối, thuế rượu... Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ hai, thực dân Pháp tăng thuế thân tăng lên 150%, thuế điền tăng lên 50%. Ngoài nghĩa vụ đóng thuế, người dân nơi đây còn phải chịu nạn đi phu phen, tạp dịch. Theo quy định của chính quyền thực dân, hàng năm mỗi đình nam ở Chợ Rã trong đó có người dân Cao Trĩ phải đi phu 2 lần, mỗi lần từ 10-12 ngày và phải tự túc lương thực. Dân phu phải làm nhiều công việc nặng nhọc như làm đường, đào hào, xây dựng sân bay, nhà nghỉ mát cho chúng tại khu vực hồ Ba Bể... Họ chỉ nhận được tiền công rẻ mạt và thường xuyên bị đánh đập. Đại đa số các gia đình đều thiếu ăn từ 6-8 tháng/năm, phải lên rừng đào củ, hái măng để kiếm sống. Đặc biệt, tình trạng thiếu nước thường xuyên kéo dài, đe dọa sức khỏe của nhân dân.

Về văn hóa - xã hội: Thực dân Pháp thi hành chính sách ngu dân nhằm kìm hãm trình độ văn hóa của nhân

1. Một mẫu Bắc bộ = 3.600m².

dân dễ dễ bề cai trị. Cả huyện chỉ có một trường bậc sơ học (tương đương lớp 1 đến lớp 3) dành cho con em quan lại, tay sai thực dân. Cái nghèo khó, túng quẫn quanh năm của đã làm cho con em nhân dân lao động không có điều kiện theo học.

Sức khỏe của nhân dân không được quan tâm, chăm lo. Thời kỳ này, châu Chợ Rã chỉ có một phòng phát thuốc phục vụ cho tầng lớp thống trị. Mỗi khi nhân dân ốm đau, bệnh tật, chủ yếu chữa trị bằng kinh nghiệm dân gian và tìm hái các loại lá thuốc trong rừng. Công tác vệ sinh phòng dịch không được thực hiện nên khi dịch bệnh xảy ra cướp đi nhiều sinh mạng.

Trong thực tiễn, từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, cả nước diễn ra nhiều phong trào yêu nước theo các khuynh hướng khác nhau. Tuy nhiên, một mặt do sự khủng bố đàn áp dã man của thực dân Pháp, mặt khác do các phong trào này không có đường lối rõ ràng, lâu dài nên cuối cùng đều đi đến thất bại. Chỉ đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập (3-2-1930) đánh dấu việc chấm dứt khủng hoảng về đường lối lãnh đạo của cách mạng Việt Nam. Từ đây, ánh sáng của Đảng dần lan đến các địa phương trong cả nước, tạo thành một khối thống nhất và làn sóng cách mạng quét sạch ách đô hộ, thống trị của chính quyền thực dân, phong kiến

2. Phong trào cách mạng ở Cao Trĩ thời kỳ trước năm 1945

Ngay sau khi thành lập, Đảng ta đã giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, lãnh đạo mọi tầng lớp nhân dân đứng lên giành độc lập, tự do từ tay thực dân và phong

kiến. Xã Cao Trĩ ngày nay thuộc địa bàn rừng núi, xa các tuyến đường giao thông quan trọng nên nhìn chung trong hơn 10 năm đầu khi Đảng thành lập, vùng đất này chưa có ảnh hưởng từ các hoạt động thuộc Đảng.

Tháng 9-1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Thực dân Pháp ở Đông Dương thi hành chính sách đàn áp, khủng bố công khai, tàn bạo. Trước tình hình đó, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương VI (tháng 11-1939) được tổ chức. Hội nghị chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, câu kết với thực dân Pháp bóc lột nhân dân ta. Tháng 5-1941, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương VIII diễn ra tại Pác Bó (huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng) đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh, hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng của Đảng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Từ khi Cao Bằng được chọn làm khu căn cứ đầu não của cách mạng Việt Nam, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và các cán bộ cao cấp của Đảng liên tiếp mở các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ địa phương người dân tộc thiểu số cho các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn. Nhiều sách báo, tài liệu tuyên truyền được các hội viên Cứu quốc quân mang từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn, góp phần truyền bá các chủ trương, chính sách của Đảng, Mặt trận Việt Minh, tạo tiền đề xây dựng Mặt trận Việt Minh ở châu Chợ Rã.

Ánh sáng của đường lối cách mạng cũng đã được soi rọi trên mảnh đất Cao Trĩ khi ông Mai Trung Lâm, cán

bộ của Việt Minh về xã tuyên truyền cho nhân dân về tổ chức cách mạng, tổ chức Đảng Cộng sản. Địa điểm hoạt động của ông Mai Trung Lâm, ông Mai Thanh Phong, ông Trần Sâm được đặt ở tại nhà ông Hoàng Lục Bền vừa thực hiện nhiệm vụ vừa tuyên truyền xây dựng mạng lưới cách mạng, vừa thành lập lực lượng tự vệ, tổ chức huấn luyện tại thôn Bản Ngủ, sau đó chuyển lên Khâu Bút rồi sang Tuyên Quang. Trong thời gian ấy, đồng bào các dân tộc xã Cao Trĩ đã tích cực hưởng ứng mạnh mẽ về nhân lực và vật lực bằng cách vận động thanh niên tham gia tự vệ, đồng thời ủng hộ lương thực thực phẩm cho cán bộ.

Tại căn cứ địa Cao Bằng, từ đầu tháng 3-1943 đến tháng 1-1944, Ban lãnh đạo Nam tiến lần lượt tổ chức 19 đội xung phong Nam tiến từ Nguyên Bình (Cao Bằng) xuống Ngân Sơn, Chợ Rã, Chợ Đồn và Bạch Thông (Bắc Kạn)¹. Trong đó, một mũi Nam tiến được phân công đẩy mạnh công tác xây dựng và mở rộng cơ sở Việt Minh ở các bản thuộc các xã Chu Hương, Yên Dương, Địa Linh, Thượng Giáo, Mẫu Ninh, Cao Thượng, Nghiên Loan, Xuân La, Bộc Bó, Giáo Hiệu, Nhạn Môn và phát triển sang cả Na Hang (Tuyên Quang). Với những hoạt động tích cực của các đội viên Nam tiến và sự ủng hộ của đồng bào các dân tộc, chỉ chưa đầy một năm, cơ sở Việt Minh đã tạo được chỗ đứng vững chắc, góp phần khai thông con đường từ Cao Bằng qua Chợ Rã xuống Võ Nhai (Thái Nguyên). Thắng lợi của việc xây dựng cơ sở và phong trào cách mạng ở Chợ Rã trong hai năm 1942-1943 đã

1. Theo Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1930-1954), tr.33.

củng cố, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo tiền đề cho sự ra đời của Khu giải phóng trong cao trào kháng Nhật cứu nước ngay sau đó.

Cuối năm 1943, phong trào Việt Minh phát triển rộng khắp, song cũng bộc lộ nhiều mặt hạn chế trong công tác tổ chức lực lượng, phòng gian bảo mật. Năm được điểm yếu này, thực dân Pháp lập tức tổ chức một cuộc khủng bố tại châu Chợ Rã.

Trước sự khủng bố dữ dội của địch, phần lớn đồng bào bỏ bản chạy lên núi, lâm vào cảnh đói rét. Lực lượng cách mạng non trẻ đứng trước thử thách gay go, giữa ranh giới mong manh sinh tồn. Tuy nhiên, với tinh thần chủ động đấu tranh, một số đồng bào chạy vào rừng vượt mọi khó khăn, thiếu thốn đã bí mật tập hợp lực lượng, tìm cách đấu tranh với địch, bảo vệ cơ sở cách mạng, liên lạc và đón cán bộ về chỉ đạo phong trào. Trải qua đấu tranh, thử thách, quần chúng cách mạng đã được tôi luyện, có thêm kinh nghiệm quý báu chống sự khủng bố của địch, tổ chức lực lượng và sự kết hợp các hình thức đấu tranh. Trong tháng 6-1944, cán bộ Nam tiến từ Cao Bằng đã tổ chức nhiều đợt xâm nhập xuống Phja Bjoóc để khôi phục và củng cố các Hội Việt Minh trên địa bàn huyện. Cuộc đấu tranh chống địch khủng bố của nhân dân các dân tộc Chợ Rã, trong đó có Cao Trĩ đã từng bước thu được thắng lợi. Thực dân Pháp và tay sai từ thế chủ động chuyển sang bị động đối phó, chuyển trọng tâm cuộc khủng bố sang Ngân Sơn. Trong bối cảnh đó, cùng với nhân dân toàn huyện, đồng bào ở Cao Trĩ tích cực chuẩn bị lực lượng về mọi mặt để tiến tới cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền khi thời cơ cách mạng chín muồi.

3. Tham gia đấu tranh cách mạng, khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945

Bước sang năm 1945, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến mau lẹ. Phe phát xít bị đánh bại trên khắp các chiến trường. Trong khi đó, thực dân Pháp ở Đông Dương nhằm nhe khô phục lại quyền kiểm soát đã mất vào tay Nhật từ năm 1944. Để củng cố quyền lực của mình, đêm ngày 9-3-1945, phát xít Nhật nổ súng đảo chính Pháp nhằm độc chiếm Đông Dương. Quân Pháp chống cự yếu ớt rồi nhanh chóng đầu hàng. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp và ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (ngày 12-3-1945,), phát động cao trào toàn dân kháng Nhật cứu nước, gấp rút chuẩn bị mọi điều kiện để khởi nghĩa từng phần, tiến tới tổng khởi nghĩa ở toàn quốc khi thời cơ đến. Bản Chỉ thị ngày 12-3-1945 của Trung ương Đảng đã trở thành kim chỉ nam cho các địa phương trên cả nước, trong đó có quân dân, đồng bào khu vực căn cứ địa Việt Bắc vùng lên khởi nghĩa từng phần giành chính quyền.

Nắm chắc tình hình, thực hiện chủ trương của Liên Tỉnh ủy, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân đã phân công lực lượng tiến về các địa phương phát động quần chúng nổi dậy, giải phóng các đồn bốt, đập tan chính quyền tay sai của địch, thành lập chính quyền cách mạng. Ngày 20-3-1945, một đơn vị Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến từ Cao Bằng xuống bao vây châu lỵ Ngân Sơn. Ngày 22-3, từ Ngân Sơn, đại bộ phận đơn vị Giải phóng quân qua Hà Hiệu tiến sang châu lỵ Chợ Rã. Ngày 23-3, châu lỵ Chợ Rã hoàn toàn giải

phóng. Ngày 24-3-1945, trở thành ngày hội lớn của đồng bào các dân tộc Chợ Rã. Quần chúng từ các xã tập trung về châu ly tham dự buổi mít tinh trọng thể do Giải phóng quân tổ chức để chào mừng ngày giải phóng¹. Trong khí thế cách mạng sôi nổi đó, đồng bào các dân tộc đã được chứng kiến giờ phút lịch sử vẻ vang: bộ máy chính quyền cấp huyện của địch bị xóa bỏ, giấy tờ, sổ sách được tiêu hủy, tên tri châu bị xử tội, các kho thóc ở huyện được phá đem chia cho dân nghèo.

Ngày 30-3-1945, Ủy ban nhân dân lâm thời châu Chợ Rã thành lập gồm 5 thành viên do ông Hoàng Văn Đàm làm Chủ tịch. Cùng ngày, chính quyền cách mạng lâm thời các xã cũng lần lượt được thành lập. Các bản thuộc Cao Trĩ (ngày nay) lập thành xã Việt Hùng. Ủy ban cách mạng lâm thời xã được thành lập sau đó do ông Hoàng Cao Phủ làm Chủ tịch.

Lúc này, sau 2 tháng chiếm đóng tại thị xã Bắc Kạn, đến trung tuần tháng 5-1945, quân Nhật mở cuộc càn quét vào vùng giải phóng, các căn cứ cách mạng thuộc khu vực giáp giới các tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang. Chúng tiến quân theo 3 hướng, trong đó cánh quân thứ ba từ thị xã Bắc Kạn tiến công Chợ Rã, Chợ Đồn. Với âm mưu bao vây càn quét vùng hồ Ba Bể. Hàng nghìn lính bảo an chia làm bốn mũi tham gia tấn công. Nhân dân Bắc Kạn thực hiện “vườn không nhà trống”, thực hiện lối đánh du kích tiêu hao sinh lực địch, khiến cho đội ngũ quân địch luôn trong tình trạng hoảng sợ, mỗi một,

1. Theo Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1930-1954), tr.50-51

cuối cùng buộc phải rút lui sau 3 ngày chiếm đóng. Cùng với quân dân trong huyện quân dân xã Việt Hùng cũng tổ chức các trận tập kích, phục kích, chống càn, qua đó thể hiện tinh thần chủ động, táo bạo đánh địch, thể hiện bước trưởng thành của phong trào cách mạng ở địa phương, tạo cơ sở vững chắc cùng với quân và dân cả nước tiến tới Tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.

Trung tuần tháng 8-1945, phát xít Nhật đầu hàng quân Đồng Minh. Lúc này, thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân ta đã đến. Vì vậy, chỉ trong mấy ngày cuối tháng 8-1945, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền đã nổ ra và thành công trên địa bàn cả nước. Cùng thời gian này, ngày 23-8-1945, những tên lính Nhật cuối cùng phải rút khỏi thị xã Bắc Kạn. Tỉnh Bắc Kạn được giải phóng hoàn toàn.

Cách mạng Tháng Tám thành công đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc. Đất nước ta từ một nước thuộc địa phong kiến, trở thành một nước độc lập, tự do. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước. Dưới từ ánh sáng soi đường của Đảng, trong bối cảnh phong trào cách mạng còn gặp vô vàn khó khăn, đồng bào các dân tộc trên địa bàn xã Việt Hùng đã không ngại hy sinh, gian khổ, cùng với quân, dân cả nước vùng lên đánh địch, đập tan xiềng xích nô lệ, giành lại độc lập, tự do, giải phóng quê hương.

Thắng lợi của phong trào cách mạng ở Việt Hùng là kết quả của truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất trên cơ sở đoàn kết toàn dân, tạo thành khối thống nhất trong Mặt trận Việt Minh. Đây là bài học quý báu,

lâu dài cho quá trình xây dựng quê hương trong những năm tiếp. Từ đây, dưới ngọn cờ của Đảng, đồng bào các dân tộc xã Việt Hùng cùng nhân dân cả nước lại tiếp tục bước vào thời kỳ mới, thời kỳ xây dựng và bảo vệ chính quyền cách và tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).

II. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

1. Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1946)

Cách mạng Tháng Tám thành công mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử dân tộc. Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau khi cách mạng thắng lợi, chính quyền dân chủ nhân dân phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách trên tất cả các lĩnh vực chính trị, văn hóa - xã hội cũng như về tài chính...

Trong bối cảnh đó, chính quyền huyện Chợ Rã nói chung và xã Việt Hùng nói riêng cũng gặp nhiều khó khăn: chính sách khai thác, áp bức, bóc lột nhân dân ta của bọn thực dân và tay sai phong kiến khiến cho đời sống nhân dân hết sức khó khăn. Thêm vào đó, Bắc Kạn tuy không có quân Tưởng đi qua và chiếm đóng, nhưng là nơi có nhiều người Hoa sống tập trung nên trở thành địa bàn hoạt động từ trước của lực lượng tay sai Tưởng

Giới Thạch¹. Những ngày đầu sau cách mạng, những tên tay sai của Quân Tưởng len lỏi khắp nơi tuyên truyền lôi kéo người Hoa vào tổ chức “Nam Dương Hoa kiều hiệp hội”, xúi giục những người Việt gốc Hoa lấy người Trung Quốc. Tại những nơi người Hoa sinh sống, chúng đều lập trụ sở “Nam Dương Hoa kiều hiệp hội”, ra sức xuyên tạc lừa bịp, gây chia rẽ trong nhân dân, treo cờ, ảnh và đeo huy hiệu của Trung Hoa Dân quốc. Đặc biệt, lợi dụng rừng núi hiểm trở, chúng đã tập hợp, dựng nên các nhóm phản động có trang bị vũ khí tiến hành cướp của, giết người gây ra những khó khăn cho chính quyền cách mạng. Tại Khau Tật, 27 hộ người Nùng cũng tham gia Nam Dương Hoa kiều hiệp hội, đi hết theo phi, kéo xuống Bản Ngủ bắn chết một số người. Tuy nhiên, với khí thế cách mạng tiếp tục lên cao, cán bộ và quần chúng vẫn vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Được sự giúp đỡ trực tiếp của Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng huyện, sau khi giành được chính quyền, các xã bắt tay ngay vào việc xây dựng, khôi phục kinh tế - xã hội. Mặc dù còn nhiều hạn chế song các đoàn thể chính trị là chỗ dựa thực sự vững chắc của chính quyền cách mạng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Chợ Rã trong đó có xã Việt Hùng cùng các lực lượng vũ trang đã nêu

1. Giữa tháng 9-1945, nước ta có hai lực lượng quân Đồng Minh kéo vào làm nhiệm vụ giải giáp vũ khí quân Nhật: Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc là 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch (Trung Quốc); từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam là quân Anh, theo sau là quân Pháp vẫn nuôi dưỡng âm mưu quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa.

cao tinh thần cảnh giác cách mạng, tố cáo âm mưu, thủ đoạn của bọn phản động, cô lập và trừng trị những tên cầm đầu, đồng thời từng bước tập trung vào các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, củng cố chính quyền và các đoàn thể. Cho đến cuối năm 1946, việc giải quyết hậu quả của của chế độ thực dân, phong kiến để lại đã thu được những kết quả nhất định.

Là địa bàn miền núi, xã Việt Hùng có đặc thù của nền kinh tế tự cấp, tự túc với nhiều sản vật được khai thác từ tự nhiên nên nạn đói năm 1945 không gây hậu quả nghiêm trọng như các địa phương ở vùng đồng bằng. Tuy nhiên, đời sống nhân dân cũng gặp không ít khó khăn do ảnh hưởng của thiên tai. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng bào các dân tộc trên địa bàn xã ra sức đẩy mạnh phát triển sản xuất, tận dụng đất đai trồng lúa, trồng màu. Từ vùng thấp đến vùng cao, đồng bào cùng nhau phát triển nương rẫy, tận dụng các nguồn nước suối để mở mang ruộng bậc thang, tăng thêm diện tích gieo trồng, kết hợp trồng cây ngắn ngày và cây dài ngày, giúp đỡ nhau về giống cây trồng, vật nuôi, sức kéo và các nông cụ sản xuất... Đội ngũ cán bộ chính quyền và Giải phóng quân đi vào tận các bản vận động nhân dân làm thủy lợi, tích cực chăm bón, áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào gieo trồng và chăm sóc lúa, hoa màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm... Nhờ đó, năng suất, sản lượng lương thực từng bước được nâng lên, đời sống nhân dân từng bước đi vào ổn định.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Cứ mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba

bữa (mỗi bữa một bơ). Dem gạo đó để cứu dân nghèo”, với tinh thần “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”, đa số các gia đình trong các bản thuộc xã Việt Hùng đều lập “Hũ gạo cứu đói”, tham gia “Ngày đồng tâm”. Chỉ sau một thời gian ngắn, nhân dân Việt Hùng đã quyên góp được hàng trăm cân gạo, giúp người bị đói.

Để khắc phục nền tài chính trống rỗng, Nhà nước đã phát động “Quỹ độc lập”, “Tuần lễ vàng”. Tích cực hưởng ứng cuộc vận động xây dựng Quỹ độc lập và Tuần lễ vàng theo Sắc lệnh ngày 4-9-1945 của Chính phủ, nhân dân Việt Hùng đã tự nguyện đóng góp cho Nhà nước hàng trăm tấm vải, cùng một số trâu, bò... Số tài sản đóng góp không được nhiều nhưng thể hiện tinh thần yêu nước, đoàn kết của đồng bào xã nhà, góp phần cùng nhân dân cả nước xây dựng nền tài chính Quốc gia.

Thực hiện chủ trương phát động phong trào diệt giặc đói, cuối năm 1945, Ban Bình dân học vụ của xã được thành lập. Nhờ có những biện pháp tích cực, phong trào học tập văn hóa, chống nạn mù chữ, diệt “giặc đói” được phát động rộng khắp các bản. Để tạo điều kiện học tập, nhân dân tự nguyện xây dựng trường lớp cho con em, tranh thủ tận dụng nhà của trưởng bản có nhiệt huyết, uy tín trong cộng đồng... Nhân dân các dân tộc xã Việt Hùng hăng hái tham gia các hoạt động học tập văn hóa.

Song song với nhiệm vụ diệt giặc đói, giặc dốt, Đảng và Chính phủ xác định việc củng cố chính quyền cách mạng từ Trung ương đến cơ sở được coi là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Ngày 17-10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 51 về việc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội.

Ngày 6-1-1946, đồng bào các dân tộc xã Việt Hùng cùng nhân dân cả nước sôi nổi tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa I. Cuộc bầu cử là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn, sâu sắc, là hành động thực tiễn giáo dục cho nhân dân tình yêu quê hương, đất nước, ý thức làm chủ và nghĩa vụ công dân của một nước độc lập. Đây là ngày nhân dân biểu dương sức mạnh, đoàn kết xung quanh Mặt trận Việt Minh, đánh bại mọi âm mưu phá hoại chính quyền cách mạng của bọn phản động.

Ngay sau cuộc bầu cử Quốc hội, nhân dân xã Việt Hùng tiếp tục tham gia vào cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (3-1946). Tại phiên họp đầu tiên, Hội đồng nhân dân xã đã bầu được các đồng chí vào Ủy ban hành chính xã (thay thế các Ủy ban cách mạng lâm thời), tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Cùng với tổ chức chính quyền, các đoàn thể quần chúng của xã thời kỳ này cũng được thành lập với sự ra đời của Nông hội xã năm 1945 do ông Hoàng Cao Phủ làm Chủ tịch.

Sau một thời gian xây dựng và củng cố, phong trào cách mạng xã Việt Hùng đã từng bước trưởng thành. Chính quyền cách mạng đã vững vàng, đội ngũ cán bộ bước đầu có kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành. Nhân dân trong xã cùng nhân dân cả nước đoàn kết, chung tay cùng nhân dân cả nước góp phần giữ gìn độc lập dân tộc.

Có thể nói, những thắng lợi bước đầu trong nhiệm vụ diệt giặc đói, giặc dốt, củng cố nền tài chính và xây dựng chính quyền vững chắc không những giúp Đảng,

Nhà nước và chính quyền các cấp vượt qua khó khăn ban đầu, tạo điều kiện cho cuộc kháng chiến lâu dài mà còn có ý nghĩa to lớn về chính trị - xã hội. Các phong trào đó tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tham gia vào những nhiệm vụ quan trọng của đất nước; động viên và giáo dục tinh thần yêu nước trong quần chúng. Qua đó, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và chống lại âm mưu chia rẽ, phá hoại của kẻ thù.

2. Tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, tiêu diệt các lực lượng phản động, bảo vệ vùng giải phóng và chính quyền cách mạng (1946-1950)

Ngày 28-2-1946, Pháp - Tưởng ký với nhau bản Hiệp ước Trùng Khánh. Theo Hiệp ước này, Pháp sẽ đưa quân ra miền Bắc thay thế quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, thực chất là Tưởng mở đường cho Pháp xâm lược miền Bắc. Để đối phó với âm mưu của kẻ địch, đồng thời tìm cách trì hoãn để ta có thêm thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ sau này, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đã lần lượt kí kết với Chính phủ Pháp Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 và Tạm ước ngày 14-9-1946. Tuy nhiên, cuối năm 1946, thực dân Pháp ráo riết tăng cường lực lượng, đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn và chuẩn bị kế hoạch đánh vào cơ quan đầu não của ta ở Thủ đô Hà Nội. Nguy cơ của một cuộc chiến tranh toàn diện trên cả nước đã đến gần.

Với tầm nhìn chiến lược, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn vùng núi Việt Bắc (trung tâm là Bắc Kạn, Thái Nguyên và Tuyên Quang) để xây dựng căn cứ địa kháng chiến. Theo chủ trương đó, tháng 11-1946,

Trung ương Đảng quyết định thành lập đội công tác đặc biệt. Đội gồm đại biểu của các ngành quân sự, an ninh, chính quyền, đoàn thể do đồng chí Trần Đăng Ninh phụ trách, chuyên lo việc nghiên cứu di chuyển và chọn địa điểm an toàn đặt các cơ quan Trung ương.

Trong khi đó, những hành động gây hấn liên tục của thực dân Pháp ở Hà Nội, Hải Phòng và nhiều tỉnh thành miền Bắc những tháng cuối năm 1946 đã buộc nhân dân ta không còn lựa chọn nào khác là phải đứng lên. Tối ngày 19-12-1946, nhận lệnh của Trung ương Đảng, quân dân Hà Nội đồng loạt nổ súng tấn công Pháp tại nhiều vị trí mà chúng chiếm đóng. Ngay trong đêm, Hồ Chủ tịch ra Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến, khẳng định tinh thần *“Thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”* của toàn dân tộc. Hưởng ứng lời kêu gọi của Người và chủ trương kháng chiến của Trung ương, nhân dân Việt Hùng quyết tâm sát cánh cùng đồng bào cả nước, sẵn sàng huy động sức người, sức của cho cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Đất nước có chiến tranh, việc xây dựng căn cứ địa cách mạng trở thành một vấn đề cấp bách. Lúc này, huyện Chợ Rã được chọn là một trong những địa bàn trọng điểm tiếp nhận các cơ quan Trung ương và đồng bào về tản cư.

Nhằm thực hiện âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh”, tiêu diệt cơ quan đầu não cách mạng của ta, ngày 7-10-1947, thực dân Pháp huy động 12.000 quân cùng phương tiện chiến tranh hiện đại mở cuộc tấn công quy mô lớn lên căn cứ địa Việt Bắc. Theo đó, chúng cho quân nhảy dù đánh chiếm thị xã Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn. Cùng

với đó 1 lực lượng quân cơ giới từ Lạng Sơn theo đường số 4 lên Cao Bằng, rồi vòng xuống Bắc Kạn theo đường số 3, bao vây phía đông và bắc Việt Bắc. Ngày 9-10-1947, bộ binh và lính thủy đánh bộ Pháp từ Hà Nội ngược sông Hồng, sông Lô lên Tuyên Quang, đánh Đài Thị, áp sát mặt phía tây Việt Bắc, tạo thế gọng kìm bao vây Việt Bắc.

Để đối phó lại với âm mưu của quân địch, ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “phải phá cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”. Từ Bắc Kạn, thực dân Pháp tiến lên đánh chiếm Phủ Thông (ngày 15-10), đóng chốt ở ngã tư để kiểm soát cửa ngõ của 4 huyện: Bạch Thông, Chợ Rã, Ngân Sơn và Na Rì. Ngày 16-10, quân Pháp từ Phủ Thông (Bạch Thông) kéo lên chiếm đóng huyện lỵ Chợ Rã. Một cánh quân khác từ Cao Bằng tiến xuống chiếm đóng Bành Trách (huyện Chợ Rã) và cả Bằng Khẩu, Nà Phặc (huyện Ngân Sơn) tạo thế gọng kìm bao vây Bắc Kạn, kiểm soát phía đông của Chợ Rã.

Ngày từ những ngày đầu kháng chiến, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn đã họp và ra những Nghị quyết chỉ đạo nhân dân tổ chức kháng chiến, bảo vệ quê hương. Trong đó tập trung vào việc di chuyển các cơ quan trung ương đến địa điểm an toàn, giúp đỡ, hướng dẫn nhân dân tản cư, vận động nhân dân thực hiện “vườn không nhà trống”, tổ chức phá hoại giao thông nhằm ngăn bước di chuyển của quân địch, đồng thời huy động lực lượng chiến đấu...

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng, chủ trương, Nghị quyết của Tỉnh ủy Bắc Kạn, quân và dân Việt Hùng sát cánh cùng nhân dân trong huyện nêu cao tinh thần chiến

đầu, quyết tâm giải phóng quê hương, bảo vệ an toàn cho các cơ quan đầu não của cách mạng. Ngày 17-11-1947, thực dân Pháp buộc phải rút hầu hết lực lượng ra khỏi huyện. Chiến thắng này đã làm thất bại kế hoạch “tấn công chớp nhoáng” để kết thúc chiến tranh của thực dân Pháp.

Mặc dù thất bại trong chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947, nhưng Pháp vẫn cho quân chiếm đóng và xây dựng hệ thống cứ điểm kiên cố dọc quốc lộ 3, 4 trên địa bàn các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn. Ở Bắc Kạn, chúng cho quân chiếm đóng đồn Bành Trạch (huyện Ba Bể) nhằm khống chế con đường giao thông chạy từ thị xã Bắc Kạn - Nguyên Bình (Cao Bằng), đồng thời làm chỗ dựa cho các toán phi¹ hoạt động. Lợi dụng bọn phi, thực dân Pháp đã cung cấp vũ khí cho chúng để thực hiện phá hoại hậu phương kháng chiến của ta. Nhờ đó, lực lượng quân phi tăng nhanh chóng, từ vài chục tên (11-1947) lên hơn 500 tên (tháng 1-1948). Một mặt chúng tung ra các luận điệu lừa bịp, gây mâu thuẫn dân tộc, nói xấu Việt Minh, xuyên tạc chính sách của Đảng và Chính phủ để lôi kéo đồng bào đi theo. Mặt khác, chúng khống chế, cưỡng ép người dân phải tiếp tế lương thực, thực phẩm, cung cấp tin tức.

Để đối phó với âm mưu của thực dân Pháp và hành động ngày càng trắng trợn của các toán phi, tháng 11-

1. Sau Cách mạng Tháng Tám (1945), lợi dụng tình hình đất nước còn nhiều khó khăn, các toán phi, lực lượng phản động ngóc đầu dậy ở nhiều nơi, móc nối với quân Tưởng chống phá chính quyền cách mạng. Khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc chiếm đóng Bắc Kạn, chúng lại dựa vào quân Pháp để ra sức hoành hành.

1947, Tỉnh ủy Bắc Kạn quyết định thành lập Đội vũ trang tuyên truyền phối hợp với lực lượng vũ trang huyện Chợ Rã thực hiện cuộc vận động tiêu phi. Ngày 3-1-1948, Liên đội tiêu phi được thành lập ở Chợ Rã, gồm đơn vị của tỉnh tăng cường và lực lượng vũ trang của huyện. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện, các bản nằm ở khu vực phi hoạt động mạnh liên kết lại với nhau, phối hợp với du kích địa phương và huyện để bảo vệ trị an, chống lại sự xâm nhập của các toán phi. Tháng 2-1948, Tỉnh ủy Bắc Kạn ra Nghị quyết đấu tranh chống phi toàn diện. Trong đó, kế hoạch tiêu phi được xây dựng trên tất cả các phương diện đấu tranh từ chính trị, quân sự đến kinh tế - xã hội, tiến tới cô lập và tiêu diệt quân phi hoàn toàn.

Để cứu vãn các toán lính phi đang có nguy cơ tan rã, thực dân Pháp tăng cường cung cấp vũ khí, lương thực, thuốc men, đồng thời củng cố các sào huyệt của chúng. Từ trung tuần tháng 8-1948, một số thổ phi đã tràn xuống Việt Hùng. Đến tháng 11, hoạt động của chúng được đẩy mạnh trên địa bàn. Đi đến đâu cũng tiến hành cướp bóc, bắn giết dã man những người dân vô tội.

Sang năm 1949, thực dân Pháp tăng cường chi viện và kích động quân phi ở Chợ Rã hoạt động, vì thế quân phi càng có cơ hội đề quấy phá. Trước tình hình đó, Huyện ủy quyết định thực hiện cuộc vận động tiêu phi lần hai. Ngày 23-1-1949, lực lượng của ta bắt đầu mở cuộc công kích vào các sào huyệt của phi ở địa giới Chợ Rã - Nguyên Bình (Cao Bằng). Ngày 22-2-1949, hơn 100 tên phi đã đột nhập vào xã Việt Hùng. Lực lượng du kích xã đã anh dũng chiến đấu bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân.

Tuy nhiên, do chênh lệch về lực lượng, du kích xã buộc phải rút lui... Đến ngày 25-3, bọn phi tiếp tục tấn công vào xã Việt Hùng, cướp đi nhiều của cải của nhân dân, uy hiếp huyện lỵ. Để đối phó với bọn phi, lực lượng du kích xã phối hợp với các xã lân cận tăng cường công tác tuần tra, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ cuộc sống cho nhân dân. Phải đến giữa năm 1949, được sự hỗ trợ tích cực của bộ đội chủ lực, quân dân các xã trong huyện Chợ Rã mới đánh tan được lực lượng phi trên diện rộng. Liên đội tiểu phi không những xóa nhiều hang ổ, tiêu diệt sinh lực địch mà còn giác ngộ, giúp đỡ quần chúng thoát khỏi nạn phi, vận động được nhiều lính phi ra đầu thú.

Tuy nhiên, chỉ được một thời gian, tại Chợ Rã các toán phi lại quay trở lại hoạt động ráo riết. Dọc tuyến địa giới phía bắc của huyện, chúng ngang nhiên cướp của, giết người, ra mặt chống phá chính quyền cách mạng. Đồng thời, thực dân Pháp lại tiếp tục hậu thuẫn, cho máy bay thả dù tiếp tế để duy trì hoạt động của quân phi ở miền rừng núi. Trước tình hình đó, cuộc vận động tiểu phi lần thứ ba được Tỉnh ủy phát động. Lần này có sự kết hợp chặt chẽ, giữa biện pháp quân sự và chính trị, vận động quần chúng tham gia, kết hợp lực lượng bộ đội chính quy và dân quân du kích địa phương. Đến cuối năm 1954, trên địa bàn huyện căn bản quét sạch lực lượng phi tại các sào huyệt của chúng. Thắng lợi trong cuộc vận động tiểu phi, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Việt Hùng đã góp phần quan trọng vào việc củng cố hậu phương, giải phóng Bắc Kạn, thúc đẩy cuộc kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta nhanh chóng đi đến thắng lợi.

3. Xây dựng hậu phương vững mạnh, ra sức phục vụ tiền tuyến (1950-1954)

Song song với hoạt động tiền phương, từ năm 1948, thực hiện Chỉ thị của cấp trên, chính quyền xã Việt Hùng tiếp tục đẩy mạnh công tác kháng chiến và phục vụ kháng chiến, đồng thời chuyển hướng hoạt động trên các mặt tổ chức lao động sản xuất, sinh hoạt cho phù hợp với tình hình mới.

Trên mặt trận kinh tế, thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện, nhân dân Việt Hùng tích cực phát triển sản xuất. Ngoài trồng lúa, các soi bãi ven sông Năng đất đai màu mỡ nên được nhân dân tận dụng để trồng ngô. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của chiến tranh cũng như tình hình thời tiết thất thường nên đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Năm 1948, nạn lụt xảy ra làm ảnh hưởng 95% diện tích ngô vụ mùa. Tiếp đó, ngày 26-5-1950, trận lụt lớn làm thiệt hại 20% ngô vụ mùa. Để khắc phục tình trạng thiếu lương thực, chính quyền xã chỉ đạo nhân dân đưa giống lúa chiêm vào gieo trồng ở những chân ruộng thấp. Các giống lúa này có đặc điểm chịu rét tốt, thời gian gieo mạ từ tháng 10, cấy vào tháng 11 và thu hoạch vào tháng 3 năm sau. Ngày 5-6-1953, lụt lớn xảy ra cuốn trôi nhiều nhà cửa, tài sản, trâu bò khiến bà con rơi vào tình trạng thiếu lương thực, nông cụ sản xuất.

Để cải thiện sản xuất, từ năm 1950, phong trào vận công, đổi công ở Việt Hùng bắt đầu được triển khai. Mỗi thôn thí điểm xây dựng được từ 1-2 tổ. Sự hình thành các tổ đổi công đã tập hợp và phát huy được tình đoàn kết giữa bà con trong các thôn, bản, giúp đỡ nhau trong việc làm thủy lợi, cấy lúa và thu hoạch kịp thời vụ, tạo điều

kiện để bà con có thời gian thay nhau đi dân công phục vụ cho các chiến dịch, sửa chữa cầu đường.

Thực hiện chủ trương giảm tô của Chính phủ (14-9-1949) và chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Kạn, công tác giảm tô ở Chợ Rã được đặt ra từ năm 1950. Song cuộc vận động giảm tô thực sự mang lại ý nghĩa về chính trị và kinh tế là từ năm 1952. Tại xã Việt Hùng, tầng lớp bần cố nông lĩnh canh đã đấu tranh yêu cầu các chủ ruộng phát canh giảm 25% theo quy định của Chính phủ. Trong quá trình giảm tô, ruộng đất hoang, vắng chủ hoặc của tay sai phản động được đem chia cho dân nghèo. Cuộc vận động nhân dân thực hiện giảm tô được kết hợp với vận động chống phi, nhờ đó đã động viên được tinh thần kháng chiến của đồng bào. Từ năm 1953, công tác giảm tô tại xã tiếp tục đẩy mạnh, thực hiện giảm tô 25% đối với địa chủ, phú nông và trung nông lớp trên, giảm dưới 25% đối với trung nông, gồm 63 loại tô.

Cuối tháng 6-1953, đoàn cán bộ cấp trên tới Chợ Rã mở lớp đào tạo, tập huấn cho 46 cán bộ nắm vững chính sách phóng tay phát động quần chúng, Sắc lệnh ruộng đất của Đảng. Tháng 7-1953, tại Việt Hùng, công tác tuyên truyền, vận động phóng tay phát động quần chúng được tiến hành. Nội dung cơ bản của cuộc vận động là phân định thành phần giai cấp ở nông thôn, phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, chỉnh đốn tổ chức, củng cố một bước chính quyền dân chủ nhân dân ở nông thôn, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện một bước đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân các dân tộc, nhất là những người nông dân nghèo.

Cùng với kinh tế, sự nghiệp văn hóa - giáo dục trên địa bàn xã tiếp tục được duy trì, mở rộng. Mặc dù điều kiện trường lớp còn đơn sơ, thiếu thốn nhưng các lớp học đã góp phần mang ánh sáng văn hóa xuống từng thôn bản, tạo điều kiện cho con em các dân tộc được đến trường. Phong trào Bình dân học vụ tiếp tục được chú trọng, trường lớp được xây dựng tại các bản để xóa mù chữ và nâng cao hiểu biết cho nhân dân.

Ngày 7-5-1954, quân ta giành thắng lợi hoàn toàn ở chiến trường Điện Biên Phủ. Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình trên toàn cõi Đông Dương được ký kết (ngày 21-7-1954), cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân cả nước kết thúc thắng lợi. Trải qua 9 năm trường kỳ kháng chiến (1945-1954), cùng nhân dân cả nước tham gia cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhân dân các dân tộc Việt Hùng vừa ra sức xây dựng quê hương trở thành hậu phương vững mạnh, vừa tích cực tham gia đóng góp nhân lực, vật lực cho tiền tuyến. Công tác phát triển văn hóa - xã hội đạt được kết quả căn bản, nhất là trong nhiệm vụ xóa nạn mù chữ, xây dựng đời sống văn hóa mới trong nhân dân. Song song với nhiệm vụ củng cố, phát triển sản xuất, đồng bào các dân tộc xã Việt Hùng cũng đã ra sức động viên thanh niên lên đường nhập ngũ, tham gia lực lượng thanh niên xung phong, đi dân công hỏa tuyến phục vụ nhiều chiến dịch... Trong kháng chiến chống Pháp (1946-1954), Việt Hùng có tổng số 34 người đi bộ đội; 24 người tham gia dân công hỏa tuyến, phục vụ các chiến dịch.

Kinh nghiệm thực tiễn cùng với những thành tích đã đạt được trong những năm tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp là nền móng quan trọng và vững chắc để đồng bào các dân tộc xã Việt Hùng vững vàng bước vào thời kỳ cách mạng mới, thời kỳ cùng cả nước xây dựng, bảo vệ xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất đất nước (1954-1975).

1. The first part of the paper is devoted to a general discussion of the problem of the existence of solutions of the system of equations (1) and (2) for arbitrary values of the parameters α and β . It is shown that the system has solutions for all values of the parameters α and β if the function $f(x)$ is continuous and has a bounded derivative. The second part of the paper is devoted to a detailed study of the properties of the solutions of the system of equations (1) and (2) for arbitrary values of the parameters α and β . It is shown that the solutions of the system of equations (1) and (2) are unique and depend continuously on the parameters α and β . The third part of the paper is devoted to a study of the asymptotic properties of the solutions of the system of equations (1) and (2) for arbitrary values of the parameters α and β . It is shown that the solutions of the system of equations (1) and (2) approach zero as $x \rightarrow \infty$ for all values of the parameters α and β .

1. The first part of the paper is devoted to a general discussion of the problem of the existence of solutions of the system of equations (1) and (2) for arbitrary values of the parameters α and β . It is shown that the system has solutions for all values of the parameters α and β if the function $f(x)$ is continuous and has a bounded derivative. The second part of the paper is devoted to a detailed study of the properties of the solutions of the system of equations (1) and (2) for arbitrary values of the parameters α and β . It is shown that the solutions of the system of equations (1) and (2) are unique and depend continuously on the parameters α and β . The third part of the paper is devoted to a study of the asymptotic properties of the solutions of the system of equations (1) and (2) for arbitrary values of the parameters α and β . It is shown that the solutions of the system of equations (1) and (2) approach zero as $x \rightarrow \infty$ for all values of the parameters α and β .

Chương III
CHI BỘ ĐẢNG XÃ VIỆT HÙNG LÃNH ĐẠO
NHÂN DÂN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,
GÓP SỨC CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN MIỀN
NAM, ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ
(1954-1975)

I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT
(1954-1965)

1. Phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống
nhân dân (1954-1957)

Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết. Đất nước ta tạm thời bị chia cắt thành hai miền Nam - Bắc: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kì khôi phục, hàn gắn vết thương chiến tranh và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; Trong khi đó, ở miền Nam đế quốc Mỹ và các lực lượng tay sai tìm mọi cách phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới nhằm chia cắt lâu dài đất nước ta.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, xã Việt Hùng có một số điều kiện thuận lợi: Cán bộ, nhân dân được rèn luyện vững vàng trong kháng chiến; cuộc vận động giảm tô đã thu được những thành quả nhất định, góp phần cải thiện một bước đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân. Tuy nhiên, những khó khăn mà Chi bộ Đảng,

chính quyền và nhân dân xã Việt Hùng phải đối mặt là rất lớn: Sản xuất yếu, nhiều diện tích đất đai trong các thôn để hoang hóa nhiều. Các công trình giao thông, thủy lợi không có điều kiện tu bổ; đường sá đi lại khó khăn, nhất là khi mưa lớn, đất đá bị sạt lở gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và việc đi lại của nhân dân. Thêm vào đó, trình độ dân trí còn thấp, nhiều tập tục lạc hậu chưa được khắc phục. Nguồn thuốc chữa bệnh khan hiếm nên số người ốm đau, thiếu thuốc điều trị còn khá phổ biến. Cơ sở vật chất phục vụ cho việc phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội hầu như chưa có. Không chỉ vậy, xã còn phải đối mặt với sự chống phá của một số phần tử phản động, làm cho công cuộc khôi phục kinh tế càng thêm khó khăn.

Đầu năm 1955, Chi bộ xã Việt Hùng được thành lập. Đồng chí Lưu Văn Ma được phân công giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Trương Văn Vương - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã¹). Sau khi được thành lập, chi bộ xác định nhiệm vụ chính trong giai đoạn này là kiện toàn, ổn định tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, lãnh đạo quần chúng nhân dân trong xã nỗ lực hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, nhân dân trong xã hăng hái bước vào công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh. Đến năm 1955, giống như nhiều địa phương khác, ở Việt Hùng chế độ thực dân, phong kiến mặc dù đã bị xóa bỏ nhưng người dân vẫn phải chịu sự bất bình đẳng về nhiều

1. Từ sau năm 1954, Ủy ban kháng chiến hành chính được đổi tên là Ủy ban hành chính.

mặt, đặc biệt là trong sở hữu ruộng đất, khiến cho sức sản xuất bị kìm hãm. Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng, Huyện ủy Chợ Rã đã lãnh đạo nhân dân các xã thực hiện chính sách về thoái tô, giảm tức. Cuộc vận động triệt để giảm tô lần này ở Chợ Rã được triển khai sâu rộng. Trên cơ sở điều tra, xác định địa chủ, tổ chức học tập chủ trương, chính sách phát động quần chúng triệt để giảm tô của Đảng trong nhân dân, bồi dưỡng khổ chủ, đội tổ chức các buổi đấu tố quy kết địa chủ và phú nông.

Kết thúc đợt giảm tô ở Việt Hùng, thế lực kinh tế và uy thế chính trị của địa chủ căn bản bị đánh đổ, địa vị của giai cấp nông dân được nâng cao. Tuy nhiên nằm trong bối cảnh chung của công tác giảm tô và cải cách ruộng đất ở miền Bắc, công tác phát động giảm tô ở Việt Hùng đã phạm phải một số sai lầm đó là máy móc, áp tỉ lệ phần trăm số hộ địa chủ, phú nông trong các bản. Mặt khác không dựa vào tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể địa phương nên đã quy sai thành phần và đấu tố sai một số trường hợp. Nguyên nhân của những sai lầm đó là không nắm vững vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp ở nước ta, không thấy được những biến đổi to lớn của nông thôn miền Bắc sau Cách mạng Tháng Tám.

Nắm bắt được tình hình sai phạm trong giảm tô và cải cách ruộng đất ở miền Bắc, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 10 (9-1956) chủ trương kiên quyết sửa sai. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn xác định mục đích, yêu cầu sửa sai theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10 là: “Giải quyết từng bước sai lầm đối với cán bộ, đảng viên, quyền chúng, giải quyết mâu thuẫn

trong Đảng và nhân dân, những khó khăn trong đời sống tinh thần và làm ăn của quần chúng”.¹ Chấp hành chủ trương của cấp trên, Huyện ủy Chợ Rã đã đưa ra nội dung chủ yếu của công tác sửa sai là minh oan cho tất cả cán bộ, đảng viên và quần chúng bị quy sai thành phần, tăng cường đoàn kết toàn dân, bảo đảm quyền tự do dân chủ của nhân dân. Quán triệt chủ trương của Huyện ủy, công tác sửa sai ở Việt Hùng diễn ra nhanh chóng, công khai và triệt để. Cán bộ sửa sai không chỉ đi sâu sát trong quần chúng mà còn biết dựa vào cán bộ cơ sở và những người uy tín trong các bản để tổ chức học tập, khắc phục sai lầm. Trong quá trình sửa sai, những cán bộ trước kia bị quy sai, bắt đi tù thì nay được trả tự do, hạ thành phần. Qua sửa sai, bầu không khí đoàn kết trong xã đã thực sự trở lại, đời sống nhân dân dần đi vào ổn định.

Dựa trên tình hình thực tiễn địa phương cũng như vận dụng sáng tạo Nghị quyết của Trung ương Đảng, Chi bộ Đảng xã Việt Hùng lãnh đạo nhân dân trong xã tích cực tham gia phong trào khai hoang, phục hóa. Kết quả, toàn xã đã khai hoang, mở rộng thêm được 5 bung ruộng. Công tác thủy lợi được chú trọng, Chi bộ lãnh đạo nhân dân tập trung tu sửa mương máng, đào đắp các khe suối nhằm điều tiết nguồn nước tưới tiêu trong sản xuất, phong trào làm phân xanh, phân rác, gom phân chuồng chuyển xuống ruộng để bón lót được đẩy mạnh, hạn chế diện tích cây chạy.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, Kế hoạch sửa chữa sai lầm của tỉnh Bắc Kạn, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.2.

Thực hiện chủ trương của Đảng, nông dân các bản trong xã đi theo con đường làm ăn tập thể. Chi bộ tích cực mở những đợt học tập, vận động nông dân xây dựng tổ đổi công nhằm tăng cường thi đua sản xuất. Từ những hộ cá thể, các hộ đã tập hợp thành tổ đổi công. Đến năm 1957, xã đã xây dựng được 3 tổ đổi công. Phong trào đổi công không những bảo đảm sản xuất kịp thời vụ mà còn tạo nên sức mạnh trong sản xuất, khắc phục thiên tai. Bên cạnh đó, nhờ xây dựng tổ đổi công nên nhiều hộ gia đình neo đơn đã được bổ sung thêm sức lao động, sức kéo, đồng thời, tăng thêm tình đoàn kết, gắn bó của nhân dân trong các bản.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi cũng được đẩy mạnh, nhất là chăn nuôi đại gia súc. Nhờ một số biện pháp như: làm chuồng trâu, chăm sóc trâu mùa đông nên xã đã hạn chế số trâu, bò bị chết do dịch bệnh, chết rét. Năm 1956, xã có 372 con trâu, 30 con ngựa. Nhìn chung, chăn nuôi trâu, ngựa ở xã chưa tương ứng với tiềm năng; chăn nuôi lợn, gà, vịt phát triển khá, tuy nhiên vẫn mang tính chất tự túc, tự cấp là chính. Ngoài trồng trọt và chăn nuôi, đồng bào còn tìm cách khai thác các nguồn lâm thổ sản như gỗ, trúc, vầu, sa nhân, nấm hương, mộc nhĩ... phục vụ nhu cầu gia đình.

Đi đôi với việc đẩy mạnh phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, Chi bộ chủ trương đẩy mạnh thanh toán nạn mù chữ. Các lớp bình dân học vụ được mở ra ở khắp các thôn trong xã. Không chỉ là trẻ em, nam nữ thanh niên mà còn có cả các cụ già cũng hăng hái đến lớp. Nhờ sự chỉ đạo của Huyện ủy Chợ Rã, trực tiếp là Chi bộ

và chính quyền địa phương, đồng thời với sự nỗ lực cố gắng của nhân dân, nên chỉ trong thời gian ngắn một bộ phận lớn người dân đã thoát nạn mù chữ. Mỗi gia đình có ít nhất 1 người biết đọc, biết viết.

Toàn xã thực hiện triệt để chủ trương xây dựng nếp sống văn hóa mới, Chi bộ xã đã chỉ đạo chính quyền cùng các tổ chức thanh niên, phụ nữ tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân, bài trừ các tệ nạn xã hội như trộm cắp, mê tín dị đoan; không tổ chức ăn uống linh đình trong cưới hỏi, ma chay. Các phong trào văn hóa, văn nghệ phục vụ quần chúng nhân dân được tổ chức sôi nổi... Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân trong xã từng bước được cải thiện, nâng lên một cách đáng kể. Công tác văn hóa, thông tin được đẩy mạnh nhằm tuyên truyền cho nhân dân giữ gìn an ninh, trật tự xã hội, chống mê tín dị đoan, xây dựng đời sống văn hóa mới.

Sau ngày giải phóng, công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng được quan tâm, chú trọng hơn, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm có vai trò quyết định tới việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ. Chi bộ đã tổ chức các đợt sinh hoạt chính huấn Đảng, đấu tranh tự phê bình và phê bình, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, sinh hoạt thường kỳ có chất lượng. Công tác xây dựng Đảng, tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã được thực hiện tốt nhằm phổ biến các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương đến cơ sở. Bên cạnh đó, các đoàn thể quần chúng như: Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân từ xã đến thôn cũng được củng cố kiện toàn.

Như vậy, trong 3 năm kể từ khi miền Bắc được giải phóng (1954-1957), cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Việt Hùng đã khắc phục và vượt qua mọi khó khăn thử thách, từng bước ổn định xã hội, phát triển sản xuất. Những kết quả bước đầu trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế đã dần dần tạo ra những điều kiện để Chi bộ Đảng và nhân dân Việt Hùng bước vào thời kỳ thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội toàn diện hơn trong những năm tiếp theo.

2. Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế (1958-1960)

Tháng 11 năm 1958, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong 3 năm (1958-1960). Hội nghị nhấn mạnh: “Hợp tác hóa là con đường đúng đắn duy nhất để đưa nông thôn miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội”; “Kinh tế nước ta căn bản là kinh tế nông nghiệp. Chúng ta phải lấy hợp tác hóa nông nghiệp làm khâu chính, để thúc đẩy toàn bộ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa”. Nghị quyết chỉ rõ đường lối cải tạo quan hệ sản xuất là đưa nông dân từ làm ăn riêng lẻ vào làm ăn tập thể, đi dần từ tổ đổi công tiến lên hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp, tạo đà cho sự phát triển của hợp tác xã nông nghiệp bậc cao. Chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp đi trước cơ giới hóa nông nghiệp, hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi hóa nông nghiệp và tổ chức lại lực lượng lao động.

Thực hiện chủ trương của cấp trên, tháng 12-1958, Đại hội Chi bộ Đảng xã Việt Hùng nhiệm kỳ 1958-1960 được tổ chức. Đại hội đã đánh giá những kết quả cũng

như hạn chế của nhiệm kỳ trước. Đồng thời, quán triệt nhiệm vụ trong tình hình mới. Đại hội đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ mới là: Cần phải từng bước phát triển các hợp tác xã, ổn định đời sống nhân dân, tiếp tục củng cố cơ sở hạ tầng, tăng cường chi viện cho các chiến trường. Đồng chí Lưu Văn Ma được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ; đồng chí Dương Văn Lu làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Nghị quyết Đại hội Chi bộ xã Việt Hùng nhiệm kỳ 1958-1960 trở thành cơ sở để địa phương đẩy mạnh phong trào thi đua, tạo động lực thúc đẩy sản xuất. Tháng 6-1959, được sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ và chính quyền xã lấy tổ đổi công của Bản Ngủ làm thí điểm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp. Để thực hiện nguyên tắc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, Chi bộ đã tổ chức cho quần chúng học tập, đồng thời cử ra một ban vận động đi tuyên truyền, giải thích chủ trương, đường lối hợp tác hóa nông nghiệp của Đảng làm cho nông dân thực sự tin tưởng và tự nguyện tham gia hợp tác xã. Nhờ vậy chỉ sau một thời gian ngắn đã có 20 hộ nông dân làm đơn tự nguyện tham gia hợp tác xã. Bà con đã tự nguyện nhập 30 bưng ruộng và 25 con trâu bò. Hợp tác xã Bản Ngủ được thành lập do đồng chí Dương Văn Lu làm Chủ nhiệm. Hợp tác xã gồm 2 tổ sản xuất, tổ 1 ở khu vực Nà Coóc, tổ 2 ở khu vực Pác Khuổi - Kéo Mắt.

Qua thời gian thực hiện thí điểm hợp tác xã Bản Ngủ, Chi bộ đã họp phân tích các kết quả đạt được và bài học kinh nghiệm rút ra từ việc xây dựng hợp tác xã thí điểm và đề ra chủ trương xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp

bậc thấp ở từng thôn trong xã. Đến năm 1960, ngoài hợp tác xã Bản Ngừ, xã Việt Hùng đã xây dựng thêm được 3 hợp tác xã:

Hợp tác xã Bản Piêng do đồng chí Triệu Văn Quế làm Chủ nhiệm;

Hợp tác xã Dài Khao do đồng chí Lôi Văn Ma làm Chủ nhiệm;

Hợp tác xã Phiêng Toàn do đồng chí Hoàng Văn Khoa làm Chủ nhiệm.

Các hợp tác xã đều có Ban Quản trị, trong đó gồm chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và kế toán, thủ kho, thủ quỹ. Xã viên là những người tự nguyện vào hợp tác xã, góp ruộng đất, công phân và sức lao động với tinh thần tất cả vì tập thể. Hợp tác xã chia thành nhiều tổ lao động nhỏ theo hình thức bình công chấm điểm, phân công lao động hợp lý. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, các hợp tác xã từng bước xây dựng cơ sở vật chất cho tập thể như nhà kho, sân phơi, mua sắm nông cụ sản xuất. Kết quả, trừ chi phí, nộp thuế, trích lập các quỹ (quỹ tích lũy 10%, quỹ công ích 10%), số còn lại chia theo ngày công lao động của xã viên. Những hộ neo đơn không có lao động, gia đình chính sách được bán thóc điều hòa lấy từ quỹ công ích. Phương thức làm ăn mới của hợp tác xã đã bước đầu tạo được niềm tin trong nhân dân, xã viên phấn khởi, yên tâm sản xuất. Tính đến năm 1960, các hợp tác xã nông nghiệp đã thu hút được 85% số hộ nông dân và 87% diện tích đất nông nghiệp vào các hợp tác xã.

Vai trò của hợp tác xã được nâng cao, dần chiếm được lòng tin của xã viên, tình trạng xã viên xin ra khỏi hợp

tác xã không nhiều. Tất cả đều tự nguyện đóng góp trâu, bò, nông cụ vào hợp tác xã. Cũng trong thời gian này, cùng với việc chuyển đổi được nhiều diện tích ruộng 1 vụ sang ruộng 2 vụ, hợp tác xã còn cố gắng đưa những tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào trong nông nghiệp. Phương thức ủ mạ và xử lý hạt giống được nghiên cứu và hình thành, dần đi vào hoạt động đều đặn ở các vụ sản xuất, các giống mới có năng suất cao được áp dụng. Một số nhà chứa phân hữu cơ được xây dựng trên cơ sở thu gom phần chuồng và phân xanh do xã viên bán cho hợp tác xã¹. Việc thành lập các hợp tác xã nông nghiệp được coi chủ trương đúng đắn, góp phần tăng năng suất, từ 90-100 kg/bung/vụ trước đây đã tăng lên trung bình 120kg/bung/vụ. Những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách được sự quan tâm giúp đỡ của tập thể. Từ mô hình sản xuất hợp tác xã nông nghiệp, xã đã chủ động được một lượng lương thực khá lớn để giao nộp cho Nhà nước.

Cùng với việc xây dựng các hợp tác xã, Chi bộ đã vận động quần chúng đẩy mạnh phong trào thực hiện thâm canh nhằm phát huy tính hiệu quả của quan hệ sản xuất mới. Thời gian này, Đoàn Thanh niên cũng có phong trào thi đua cải tiến nông cụ, Hội Phụ nữ có phong trào thi đua cấy lúa giăng dây thẳng hàng... Đó là sự nỗ lực, cố gắng của Chi bộ, chính quyền và nhân dân xã Việt Hùng trong thời kì đầu cải tạo xã hội chủ nghĩa. Nông nghiệp có

1. Việc thu mua phân hữu cơ dưới hình thức khối lượng (kg) tính vào ngày công của họ, biện pháp này thu hút nhiều đối tượng lao động ở các lứa tuổi cùng tham gia

những thắng lợi nhất định, tạo điều kiện cho việc ổn định đời sống quần chúng, cũng như tiếp đà cho sự phát triển của các lĩnh vực khác trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa theo chủ trương mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Năm 1960, xã Việt Hùng cũng thành lập hợp tác xã mua bán tại thôn Bản Ngủ do ông Dương Văn Lu làm chủ nhiệm, nhằm phục vụ nhân dân trong các nhu cầu về đời sống sinh hoạt; cung ứng vật tư, nông cụ sản xuất, hàng tiêu dùng thiết yếu; đồng thời quyên góp thu mua lương thực, thực phẩm và hàng hóa chi viện cho chiến trường miền Nam. Trong khi đó, hợp tác xã tín dụng cũng có nhiều cố gắng trong việc huy động nguồn vốn tín dụng và tổ chức cho nhân dân vay vốn nhằm đầu tư sản xuất và kinh doanh.

Như vậy, sau 3 năm tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, ở Việt Hùng đã thành lập được các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng. Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng với sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ và chính quyền xã đã vận dụng những kinh nghiệm xây dựng hợp tác xã do huyện phổ biến và đề ra một số biện pháp tổ chức ngay từ khi mới hình thành, vì thế các hợp tác xã ở Việt Hùng đã thu hút hầu hết các hộ nông dân tham gia. Đây thực sự là “Ba ngọn cờ hồng”, góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế địa phương.

Nghe rừng trong 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế có nhiều tiến bộ, công tác bảo vệ rừng được chú trọng. Nạn phá rừng làm nương rẫy được thu hẹp. Đồng bào trong xã chủ yếu khai thác các loại lâm sản trong rừng,

đồng thời săn bắt các loại thú hoang nhằm cải thiện cuộc sống hàng ngày.

Trên cơ sở đẩy mạnh phát triển kinh tế, Chi bộ cũng luôn quan tâm sát sao tới các hoạt động văn hóa - xã hội. Chi bộ xã Việt Hùng luôn coi trọng việc phát triển giáo dục, phát huy truyền thống hiếu học của quê hương, coi đó là nhiệm vụ, chiến lược lâu dài, đảm bảo thắng lợi của sự nghiệp cách mạng tại địa phương góp phần vào cuộc cách mạng chung của dân tộc. Từ ý thức đó, Chi bộ, chính quyền và nhân dân trong xã bằng mọi biện pháp tạo điều kiện vận động phần lớn con em trong độ tuổi cấp sách đến trường.

Năm 1959, trạm xá xã thành lập. Đội ngũ y tế viên cơ sở gồm đồng chí Bàn Văn Thượng phụ trách thôn Khau Bút, đồng chí Đặng Văn Chè phụ trách thôn Khâu Tậu, đồng chí Luân Văn Thỏ phụ trách thôn Bản Piềng, đồng chí La Văn Hổ phụ trách thôn Dài Khao, đồng chí Liêu Văn Vương phụ trách thôn Bản Ngù. Trạm xá đã tổ chức thực hiện phong trào “sạch thôn, bản, tốt ruộng” và phong trào xây dựng 3 công trình: giếng nước, nhà tắm, nhà tiêu. Công tác vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em có nhiều tiến bộ. Ý thức phòng bệnh của người dân được nâng lên rõ rệt. Các dịch cúm, đậu mùa, tiêu chảy đều được dập tắt kịp thời, bệnh sốt rét, xuất huyết được hạn chế.

Về công tác quốc phòng - an ninh, Chi bộ lãnh đạo nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác, giữ gìn an ninh trật tự thôn xóm. Chống các luận điệu xuyên tạc phá hoại nền hòa bình và công cuộc xây dựng quê hương, đất nước. Tổ

chức lực lượng dân quân theo quy định phần lớn nam, nữ từ 18 - 45 tuổi đều phải tham gia lực lượng dân quân hàng năm, huấn luyện chính trị quân sự, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Trong công tác xây dựng Đảng, Chi bộ thường xuyên triển khai nhanh chóng, có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy và Huyện ủy vào thực tiễn địa phương, tạo nên phong trào cách mạng sôi nổi. Công tác sinh hoạt Đảng ngày càng đi vào nền nếp; việc xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt được quan tâm hơn; công tác phát triển Đảng đạt kết quả tốt. Qua các phong trào cách mạng xuất hiện nhiều những tấm gương quần chúng ưu tú, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển Đảng. Đội ngũ cán bộ, đảng viên của Chi bộ Việt Hùng tăng nhanh về số lượng và năng lực quản lý, đáp ứng được với những yêu cầu cách mạng.

Những thắng lợi mà nhân dân Việt Hùng đạt được trong ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960) đã làm cho diện mạo quê hương có nhiều thay đổi, kinh tế - xã hội ổn định, người dân bước đầu làm quen với phương thức lao động tập thể, tình đoàn kết thôn xóm được tăng cường. Tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng được củng cố, kiện toàn. Bên cạnh những kết quả đã đạt được Chi bộ và nhân dân Việt Hùng còn có nhiều hạn chế và tồn tại cần khắc phục trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Tuy nhiên, những kết quả đã đạt được sẽ là nguồn cổ vũ lớn lao để Chi bộ và nhân dân trong xã bước vào giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

3. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội chỉ rõ nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này là: “Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới”. Trên cơ sở đường lối chung, Đại hội lần thứ III đã vạch ra phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965: “Chúng ta cần phải chuyển sang lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, làm cho nền kinh tế miền Bắc nước ta trở thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa”.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Chi bộ Việt Hùng đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1960-1963. Đại hội đánh giá công tác lãnh đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch 3 năm (1958-1960), phát triển kinh tế - xã hội, củng cố và phát triển hợp tác xã nông nghiệp, tín dụng, cải tạo công thương nghiệp, phát triển văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, đảm bảo an ninh trật tự ở địa

phương. Đại hội bầu các đồng chí: Lưu Văn Ma - Bí thư Chi bộ, Dương Văn Lu - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã)

Tiếp đó, năm 1963, Chi bộ Việt Hùng đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1963-1965. Đại hội thông qua kế hoạch phát triển đời sống kinh tế - xã hội của xã trong thời gian tới, góp phần thực hiện thành công kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Đại hội bầu các đồng chí: Đồng chí Lưu Văn Ma - Bí thư Chi bộ, Dương Văn Lu - Phó Bí thư (Chủ tịch ủy ban hành chính xã)¹.

Bước vào những năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đã khắc phục nhiều khó khăn, tiếp tục củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp, kết hợp phát triển hợp tác hóa với thủy lợi hóa, cải tiến công cụ, tiến tới cơ giới hóa trong nông nghiệp nhằm giải quyết tốt vấn đề lương thực, đưa phong trào hợp tác xã nông nghiệp lên một bước. Đến năm 1962, toàn xã có trên 95% số hộ nông dân vào hợp tác xã nông nghiệp. Nhờ mở rộng quy mô các hợp tác xã nên các biện pháp khoa học - kỹ thuật được đưa vào sản xuất. Hệ thống nhà kho, chuồng trại chăn nuôi tập thể cũng được xây dựng.

Thực hiện chủ trương về cải tiến cơ chế quản lý trong nông nghiệp, Chi bộ chỉ đạo sát sao hoạt động của các

1. Năm 1964, đồng chí Dương Văn Lu thay đồng chí Lưu Văn Ma giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Lưu Bá Ninh thay đồng chí Dương Văn Lu giữ chức Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

hợp tác xã; phân công cán bộ và một số hộ xã viên đi tham quan ở các hợp tác xã điển hình trong huyện để rút kinh nghiệm sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế. Phong trào thi đua tăng năng suất được đẩy mạnh. Ngoài ra, các hợp tác xã cũng thực hiện việc đưa giống lúa mới vào đồng ruộng bỏ giống lúa chiêm cũ, cấy giống lúa mới Nam Ninh... Vì vậy, năm 1964 toàn xã đã cấy được 80ha, năng suất đạt 1,4 tấn/ha/vụ, sản lượng đạt 112 tấn.

Quán triệt tinh thần, Nghị quyết Đại hội Đảng “Hợp tác xã đi đôi với thủy lợi hóa”. Chi bộ lãnh đạo các hợp tác xã đẩy mạnh công tác thủy lợi. Ở các hợp tác xã, xã viên bỏ hàng nghìn ngày công kiến thiết đắp bờ, làm nương tưới, nương tiêu, toàn xã đồng khởi làm thủy lợi. Các nương Phja Thuồng, nương Cốc Tát, Nà Pù - Bó Cây được xây dựng, lòng suối Lèo Cỏ được cải tạo. Nhờ phong trào làm thủy lợi được đẩy mạnh mà hầu hết diện tích lúa trên toàn xã đều được đảm bảo nước tưới. Sản xuất nông nghiệp được chú trọng, một số phương thức canh tác mới được ứng dụng, phong trào làm phân xanh triển khai rộng rãi, đi đầu phong trào này là Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ, nhờ đó năng suất và sản lượng lương thực tăng, hàng năm xã đóng góp cho Nhà nước 8-10 tấn lương thực.

Song song với việc phát triển trồng trọt, hoạt động chăn nuôi cũng được chú trọng. Công tác thú y bảo vệ đàn lợn được đẩy mạnh, ngăn chặn bệnh dịch và thực hiện nghiêm ngặt chính sách cấm giết mổ lợn tự do hoặc dưới trọng lượng, góp phần phát triển đàn lợn của địa phương. Hợp tác xã quy định mỗi lao động phải bán nghĩa vụ thực

phẩm mỗi năm là 20 kg/lao động và 1kg gà/hộ. Những xã viên bán vượt mức được khuyến khích bằng việc mua hàng hóa tiêu dùng với giá rẻ. Các loại gia cầm được phát triển theo hướng chăn nuôi gia đình là chủ yếu.

Hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán phát huy tốt chức năng tạo nguồn vốn và hậu cần phục vụ sản xuất và đời sống. Hợp tác xã tín dụng đã tranh thủ được nguồn vốn nhàn rỗi trong dân và các vốn tín dụng của ngân hàng tạo thêm nguồn vốn cho hợp tác xã nông nghiệp đầu tư phát triển sản xuất và các hộ xã viên vay phát triển chăn nuôi. Trên địa bàn xã thực hiện chính sách tem phiếu trong phân phối, lưu thông hàng hóa. Hàng năm, mỗi người được mua phân phối 4m vải và 5kg thịt lợn. Ngoài ra, nếu bán vượt mức cứ 2kg thì được mua thêm 1kg. Các hàng hóa khác phục vụ đời sống như dầu đốt, mắm, muối... đều áp dụng chính sách mua bán bằng tem phiếu. Ưu điểm của chính sách này là đem lại sự công bằng trong xã hội, trong đó những người có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng chính sách được xem xét giúp đỡ. Những người có khả năng, năng lực trong lao động được khuyến khích.

Năm 1963, thực hiện chủ trương của Đảng đưa đồng bào miền xuôi đi xây dựng vùng kinh tế mới tại các tỉnh miền núi phía Bắc, trong đó có Bắc Kạn, Chi bộ và nhân dân trong xã đã tổ chức đón tiếp các hộ đồng bào từ Thái Bình lên xã phát triển kinh tế; Chi bộ giúp đỡ bà con nơi ăn, chốn ở và nông cụ sản xuất, hỗ trợ dựng nhà tại thôn Bản Ngụ.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, giáo dục, y tế, thông tin tuyên truyền đều được duy trì và phát huy tốt.

Năm 1965, trạm xá xã được xây dựng tại thôn Bản Ngù. Trạm có 2 cán bộ thường trực là bà Dương Thị Nga (làm hộ sinh), ông Hoàng Văn Long (làm y sĩ). Trạm xá tiếp tục phục vụ tốt việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Cùng với cuộc vận động xây dựng và thực hiện quy ước nếp sống mới, phong trào vệ sinh phòng bệnh được Chi bộ đưa vào chương trình hoạt động thường xuyên.

Tuy điều kiện khó khăn nhưng trường học ở Việt Hùng vẫn được duy trì. Thầy, cô giáo và học sinh vẫn duy trì phong trào thi đua dạy tốt, học tốt. Phong trào văn hoá văn nghệ ở các thôn cũng phát triển, đội văn nghệ của các hợp tác xã được thành lập với các những tiết mục hay phục vụ bà con xã viên. Việc đấu tranh bài trừ các hủ tục, tệ nạn xã hội được đẩy mạnh.

Trong công tác xây dựng Đảng, các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên được triển khai nhanh chóng, kịp thời. Đội ngũ đảng viên trong chi bộ tăng về số lượng và chất lượng. Chi bộ Việt Hùng đã được công nhận Chi bộ “Bốn tốt” có đầy đủ phẩm chất, năng lực lãnh đạo toàn diện phong trào cách mạng địa phương. Bên cạnh đó, các đoàn thể quần chúng: Mặt trận Tổ quốc, Hội phụ nữ, Nông hội, Đoàn Thanh niên đều phát huy tốt vai trò của mình trong từng nhiệm vụ cách mạng.

Trong công tác quốc phòng - an ninh, Chi bộ, chính quyền xã tích cực chỉ đạo công tác tuyên truyền, vận động nhân dân luyện tập quân sự, nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu. Nhân dân trong xã tích cực hưởng ứng Chỉ thị về: “Tăng cường công tác phòng không, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu” của Bộ chính trị (tháng 6/1964). Thực

hiện Luật nghĩa vụ quân sự, hàng năm, thanh niên trong độ tuổi đều đi khám tuyển. Các đợt giao quân được tổ chức chu đáo, có tặng phẩm cho người đi làm nghĩa vụ. Từ năm 1961-1965, xã có 12 thanh niên lên đường nhập ngũ làm nghĩa vụ quân sự địa phương.

Phong trào bảo vệ trật tự trị an các thôn bản được duy trì, nhân dân yên tâm sản xuất. Lực lượng dân quân trong xã tích cực hưởng ứng phong trào “Ba nhất”, vừa xung kích, làm lòng cốt trong lao động, vừa thường xuyên canh gác, thực hiện tốt chương trình giáo dục chính trị và huấn luyện quân sự.

Sau hơn 10 năm tích cực triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng; các Chỉ thị của Tỉnh ủy, Huyện ủy (1954-1965), Chi bộ và nhân dân xã địa phương đã giành được nhiều thắng lợi đáng kể: hoàn thành khôi phục kinh tế, phát triển kinh tế - xã hội, cải tạo xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, quốc phòng - an ninh được bảo đảm... Những kết quả đó không chỉ làm thay đổi sâu sắc bộ mặt nông thôn Cao Trĩ mà còn là động lực, nguồn cổ vũ để nhân dân Cao Trĩ bước vào giai đoạn cách mạng mới. Những thành tích mà Cao Trĩ là minh chứng cho đường lối lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức Đảng ở cơ sở là đúng đắn, kịp thời; Chi bộ xã biết vận dụng một cách linh hoạt vào tình hình thực tế tại địa phương, thể hiện sự nỗ lực, ý thức trách nhiệm to lớn của Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, tạo tiền đề vững chắc để Việt Hùng tiếp tục tiến lên trong những năm tiếp theo.

II. GÓP SỨC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, CHI VIỆN CHO CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1965-1975)

1. Phát triển kinh tế - xã hội, tích cực chi viện cho miền Nam, sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965-1968)

Cuối năm 1964 đầu năm 1965, cùng với việc đẩy mạnh chiến tranh ở miền Nam, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Trước tình hình đó, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 (tháng 3-1965) đã quyết định phải chuyển hướng xây dựng kinh tế sang thời chiến, tăng cường lực lượng quốc phòng phù hợp với tình hình mới và nhiệm vụ cấp bách của miền Bắc. Thực hiện lệnh động viên cục bộ trong năm 1965, cán bộ và nhân dân Cao Trĩ¹ hoàn thành tốt các đợt tuyển quân. Toàn xã có 4 thanh niên nhập ngũ, tái ngũ lên đường tòng quân đánh Mỹ. Lực lượng dân quân xã được biên chế thành các tiểu đội, trung đội. Toàn xã có một trung đội mạnh chủ yếu là thanh niên do đồng chí Xã đội trưởng trực tiếp phụ trách. Ban Chỉ huy xã đội gồm: đồng chí Bí thư Chi bộ làm Chính trị viên trưởng, đồng chí Bí thư Đoàn xã là Chính trị viên phó, đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính xã và hai đồng chí Xã đội trưởng, Xã đội phó là ủy viên. Vũ khí trang bị là 2 khẩu 12 ly 7 để tác chiến khi có máy bay địch kéo đến.

1. Từ tháng 5-1964, xã Việt Hùng đổi tên gọi là xã Cao Trĩ.

Ở các thôn, Chi bộ phát động và tổ chức nhân dân đào hầm, hào phòng tránh máy bay Mỹ đến ném bom, bắn phá, làm các lán học sơ tán cho học sinh cấp I, vận động nhân dân và các em học sinh đan mũ rơm. Ngoài ra, Ủy ban hành chính xã tổ chức đội chống sập hầm, đội phòng cháy - chữa cháy.

Tháng 5 năm 1965, Đại hội Chi bộ xã Cao Trĩ nhiệm kỳ 1965-1967 được tổ chức. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ cụ thể cho tình hình mới đó là: duy trì phát triển sản xuất, đảm bảo cung cấp đủ lương thực cho nhân dân, đồng thời đóng góp nghĩa vụ với Nhà nước, sẵn sàng chiến đấu và lên đường nhập ngũ. Đại hội đã bầu các đồng chí: Dương Văn Lu - Bí thư Chi bộ, Lưu Bá Ninh - Phó Bí thư (Chủ tịch ủy ban hành chính xã)

Trong sản xuất nông nghiệp, các khẩu hiệu: “Chắc tay cày, giỏi tay sừng”, “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”, “Người người thi đua, nhà nhà thi đua, ta nhất định thắng, địch nhất định thua” trở thành hành động cụ thể của người người, nhà nhà, trong các thôn. Cán bộ và nhân dân Cao Trĩ tiếp tục thực hiện tốt đồng thời 2 nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa làm tốt công tác chi viện sức người sức của cho tiền tuyến. Trong năm 1967, xã Cao Trĩ có nhiều hoạt động tập trung vào công tác phát triển thủy lợi. Việc đắp bờ, tưới tiêu cho các cánh đồng, nạo vét kênh mương, nhờ đó việc điều tiết nước trong sản xuất mùa vụ được đảm bảo. Phong trào làm phân xanh cũng được nhân rộng ở các hợp tác xã. Ngoài ra, hợp tác xã còn tận dụng nguồn phân từ chăn nuôi lợn, trâu bò để làm phân bón ruộng. Nhờ làm tốt công tác thủy lợi và áp dụng các biện

pháp kỹ thuật vào sản xuất nên năng suất, sản lượng lúa tăng nhanh, bình quân đạt 235kg/bung/vụ. Hàng năm, xã đã giao nộp cho Nhà nước từ 10-12 tấn lương thực, từ 2-3 tấn thực phẩm, hoàn thành chỉ tiêu được giao. Bên cạnh việc phát triển xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng cũng được thành lập và đủ khả năng phục vụ nhu cầu của nhân dân. Tính đến năm 1967, hợp tác xã tín dụng đã có số dư là 30 đồng/người.

Mặc dù máy bay Mỹ thường xuyên đe dọa, song các lớp học trong xã vẫn duy trì được việc dạy và học. Trường học được sơ tán đến địa điểm an toàn ở các thôn như tại Cốc Nghĩa và Kéo Pụt. Trường có hầm trú ẩn, mỗi hầm có nắp hầm bảo vệ và sức chứa từ 3-5 học sinh. Nhiều lớp học được tổ chức vào buổi tối nhằm tránh sự đánh phá của Mỹ, lớp học dưới đèn dầu, học sinh đến trường với nhiều lứa tuổi khác nhau, công tác xóa mù chữ và tái mù chữ được chính quyền hết sức quan tâm. Với sự quyết tâm đó, trong những năm chiến tranh, thầy và trò vẫn đến lớp, đến trường.

Công tác chăm sóc sức khỏe người dân cũng được Chi bộ và Chính quyền xã quan tâm. Cán bộ y tế xã không chỉ chữa bệnh cho nhân dân, mà còn tham gia phục vụ chiến đấu, cứu thương trong trường hợp có máy bay Mỹ ném bom. Công tác phòng chống bệnh dịch, cũng như tuyên truyền cho người dân phòng chống cũng được tổ chức thường xuyên.

Càng leo thang bắn phá miền Bắc, đế quốc Mỹ càng bị thất bại nặng nề, đẩy Mỹ - Ngụy vào tình thế bị động, lúng túng. Ở miền Bắc, quân và dân ta bắn rơi nhiều máy bay, bắt được nhiều giặc lái của Mỹ, công tác sản xuất chi

viện cho miền Nam ngày càng được thực hiện tốt hơn. Tết Mậu Thân (1968), chiến sự diễn ra ác liệt trong nhiều ngày đêm trên khắp các mặt trận, góp phần làm thất bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ. Trước tình hình đó, tháng 11-1968, tổng thống Mỹ Giôn-xon ra lệnh ngừng ném bom bắn phá hoàn toàn miền Bắc. Tin chiến thắng từ hai miền Nam - Bắc đã khích lệ Chi bộ và nhân dân Cao Trĩ ra sức thi đua đẩy mạnh sản xuất với khẩu hiệu “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”.

Giai đoạn 1965-1968 là thời gian đặc biệt khó khăn của nhân dân miền Bắc nói chung, nhân dân Cao Trĩ nói riêng khi đồng thời phải thực hiện hai nhiệm vụ: vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu với giặc Mỹ, vừa chi viện cho chiến trường miền Nam. Tuy nhiên, Chi bộ và nhân dân Cao Trĩ đã phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, gian khổ chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, làm tròn nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ quê hương.

2. Thực hiện khôi phục kinh tế, tham gia chi viện cho miền Nam, đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ hai (1969-1972)

Tháng 4-1968, Chi bộ xã Cao Trĩ tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1968-1970. Đại hội đánh giá trong nhiệm kỳ 1965-1967, Chi bộ đã lãnh đạo quần dân kịp thời chuyển hướng mọi công tác, sinh hoạt từ thời bình sang thời chiến, vững vàng trong sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu; giữ vững mọi mặt công tác, có mặt phát triển nhanh như thủy lợi, việc áp dụng kỹ thuật trong nông nghiệp.

Đại hội cũng nghiêm túc chỉ ra những tồn tại và yếu kém, tập trung phân tích những ưu, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng. Trên cơ sở đó, Đại hội nhấn mạnh trong những năm tới cần phải đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động xây dựng Chi bộ “Bốn tốt”, đảm bảo cho mọi mặt sản xuất và chiến đấu thắng lợi; đảm bảo tốt công tác phòng không nhân dân, bảo vệ trị an, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu có hiệu quả trong bất cứ tình huống nào. Đại hội đã bầu đồng chí Triệu Văn Tần giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Lưu Văn Ma được bầu làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Tiếp đó, năm 1970, Chi bộ xã Cao Trĩ tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1970-1973. Đại hội bầu đồng chí Triệu Văn Tần tiếp tục giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Lưu Bá Ninh - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Đầu năm 1969, sau khi trúng cử Tổng thống và chính thức bước vào Nhà Trắng, Ních-xon cho áp dụng thí điểm chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam Việt Nam. Trong khi đó ở miền Bắc, dù tuyên bố ngừng ném bom nhưng Mỹ vẫn ngày đêm dùng máy bay trinh sát dò thám, chuẩn bị cho những chiến lược quân sự mới. Tranh thủ thời gian không bị đánh phá, Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ trước mắt đối với miền Bắc là: Khôi phục và phát triển sản xuất, đẩy mạnh tốc độ xây dựng chủ nghĩa xã hội; tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng; đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu nếu đế quốc Mỹ thực hiện âm mưu phá hoại mới.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Chợ Rã, với quyết tâm

“tay cày, tay súng”, bám ruộng đất để sản xuất và chiến đấu, Chi bộ và nhân dân Cao Trĩ luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn này là: sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Nhiệm vụ trước mắt cần được khẩn trương thực hiện là dồn hết mọi khả năng phát triển kinh tế; củng cố lại cơ sở vật chất cho trường học, trạm xá; chú trọng xây dựng các tổ đảng tại các thôn làm nòng cốt trong các phong trào; cán bộ, đảng viên nêu cao tinh thần gương mẫu, đi đầu trong thực hiện các phong trào, hoàn thành các nhiệm vụ đề ra.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân sau chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, Chi bộ lãnh đạo nhân dân trong xã đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm vì miền Nam ruột thịt với quyết tâm “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”. Nhân dân trong xã hăng hái lao động, sản xuất, áp dụng các biện pháp khoa học - kỹ thuật vào gieo trồng và chăm sóc lúa.

Thực hiện Nghị quyết 45 của Tỉnh ủy, chủ trương của Huyện ủy về phát triển chăn nuôi đại gia súc, tiểu gia súc, kể cả chăn nuôi tập trung và gia đình xã viên, hợp tác xã khuyến khích các hộ xã viên tích cực chăn nuôi trâu bò, lợn, gà, vịt... Nhờ những biện pháp đúng đắn trong trồng trọt và chăn nuôi nên đời sống nhân dân trong xã được nâng lên. Cảnh thiếu ăn, mất bữa được hạn chế. Nghĩa vụ giao nộp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước được nhân dân trong xã hoàn thành. Hàng năm, xã nộp nghĩa vụ 15-17 tấn lương thực, 3-5 tấn thực phẩm.

Công tác giao thông thủy lợi, trong những năm này trở thành phong trào thi đua sôi nổi. Thực hiện Chỉ thị 54

của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, năm 1969, Chi bộ xã vận động nhân dân biến ruộng cạn thành ruộng nước, kết hợp chặt chẽ việc sửa chữa, xây dựng các công trình thủy lợi lấy nước từ suối với việc xây dựng hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng đảm bảo việc tưới tiêu thông suốt, đem lại hiệu quả cho sản xuất và đời sống của nhân dân, đúng như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Giao thông vận tải là một mặt trận. Mỗi cán bộ, công nhân viên, thanh niên xung phong là một chiến sĩ quyết tâm làm cho giao thông vận tải thắng lợi. Giao thông vận tải thắng lợi tức là chiến tranh đã thắng lợi một phần lớn rồi”.¹

Cùng với việc khôi phục kinh tế, Chi bộ luôn coi việc phát triển văn hóa, giáo dục tại địa phương là nhiệm vụ quan trọng. Việc tổ chức cho thầy, trò nhà trường từ nơi sơ tán về địa điểm cũ được tiến hành nhanh chóng, đưa hoạt động giảng dạy và học tập sớm đi vào nền nếp. Phong trào thi đua “Hai tốt” trong các nhà trường dần đi vào chiều sâu và trở thành mục tiêu phấn đấu của đội ngũ giáo viên và học sinh.

Công tác chăm sóc sức khỏe, đời sống nhân dân được Chi bộ quan tâm thực hiện. Hợp tác xã cùng Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ hỗ trợ người dân tu sửa nhà cửa. Phong trào phát quang đường thôn, dọn vệ sinh nhà cửa, phòng chống các dịch bệnh được phát động rộng rãi trong nhân dân, giúp nhân dân ý thức hơn trong việc đảm bảo sức khỏe của bản thân và gia đình.

1. Việt Bắc - 30 năm chiến tranh cách mạng, Nxb QĐND, 1992, tr.162

Mặc dù trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng Chi bộ xã vẫn thực hiện tốt công tác hậu phương, coi đây là nghĩa vụ thiêng liêng, cao cả. Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chăm sóc thương bệnh binh, các gia đình liệt sỹ, gia đình bộ đội, Chi bộ xã thường xuyên tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập và thực hiện các chính sách về công tác hậu phương quân đội. Xã lập các tổ thương binh giúp đỡ nhau trong cuộc sống, cùng phát huy truyền thống cách mạng. Con em các gia đình thương binh liệt sỹ... được quan tâm chu đáo. Những phụ nữ có chồng là bộ đội khi ốm đau, sinh đẻ được bà con chăm sóc tận tình, qua đó động viên chị em phát huy truyền thống thủy chung, đảm đang, bất khuất của phụ nữ Việt Nam.

Miền Bắc tạm thời hòa bình, song Đảng ta nhận định đế quốc Mỹ có thể quay lại bất cứ lúc nào, do đó, công tác đề phòng chiến tranh phá hoại luôn được chú trọng. Phong trào thi đua sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu và giao thông vận tải nhanh chóng đã trở thành ý thức của người dân trong xã. Đội ngũ phòng không của xã, của các thôn luôn sẵn sàng chiến đấu, đơn vị báo động được đặt trong tình trạng cảnh giác cao độ. Phong trào phòng gian bảo mật đi vào chiều sâu và thực sự góp phần bảo vệ trị an trong thôn. Lực lượng dân quân có sự tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Các đội nam nữ dân quân đều chuyên cần luyện tập và sẵn sàng nhận lệnh chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Đội thanh niên xung kích gồm những thành viên trong đoàn thanh niên, dũng cảm ứng phó khi có tình huống mới xảy ra. Thời gian này, do yêu

cầu tăng cường quân số trên chiến trường, xã đã động viên 11 thanh niên lên đường nhập ngũ, bảo vệ Tổ quốc, góp một phần sức mạnh cùng quân dân miền Nam đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Từ giữa tháng 4-1972, đế quốc Mỹ ồ ạt huy động không quân, hải quân đánh phá miền Bắc lần thứ hai, phong tỏa bờ biển miền Bắc. Trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Chợ Rã, Chi bộ xã Cao Trĩ đã lãnh đạo các ban ngành, thực hiện một số nhiệm vụ cơ bản:

- Vận động bà con thu xếp nơi ăn ở.
- Tổ chức các lớp học sơ tán của trường cấp I và cấp II, giúp các em học sinh yên tâm, ổn định học tập.
- Bố trí tổ chức lực lượng dân quân tự vệ luyện tập các tình huống chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.
- Lãnh đạo Ban Quản trị hợp tác xã thu hoạch vụ xuân và gieo cấy vụ mùa kịp thời vụ.
- Hoàn thành công tác tuyển quân.

Việc tổ chức chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trên đó chính là triển khai hai nhiệm vụ trọng tâm: sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Đối với nhiệm vụ sản xuất, Chi bộ lãnh đạo nhân dân tích cực thu hoạch nhanh gọn lúa vụ xuân, triển khai gieo mạ, làm đất, chuẩn bị gieo cấy lúa mùa. Nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, Chi bộ lãnh đạo các ban ngành khẩn trương chuyển mọi hoạt động cho phù hợp với tình hình của cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2. Lực lượng dân quân tự vệ ngày đêm luyện tập, thực hiện tốt chế độ trực chiến, bảo vệ trị an, sẵn sàng chiến đấu. Trong năm 1972, xã Cao Trĩ có 4 thanh niên lên đường nhập ngũ.

Bị thua trên chiến trường miền Nam và thất bại thảm hại trong đợt tập kích bằng không quân chiến lược cuối tháng 12-1972 ở miền Bắc, buộc Chính phủ Mỹ phải ra lệnh ngừng ném bom hoàn toàn miền Bắc. Ngày 27-1-1973, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Mỹ cam kết rút quân khỏi Việt Nam. Từ đây, nhiệm vụ “đánh cho Mỹ cút” đã hoàn thành, quân dân cả nước tiếp tục tiến lên thực hiện nhiệm vụ “đánh cho ngụy nhào”.

3. Tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội, chi viện cho tiền tuyến miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược (1973-1975)

Theo Hiệp định Pari, Mỹ phải rút quân hoàn toàn khỏi miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ tiếp tục duy trì chính sách viện trợ cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa, âm mưu phá hoại Hiệp định. Ở miền Bắc, từ sau chiến tranh phá hoại lần thứ hai, nhiều cơ sở, thành phố, nhà máy, hệ thống giao thông, khu công nghiệp bị tàn phá nghiêm trọng.

Tháng 6-1973, Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế trong 3 năm (1973-1975) ở miền Bắc. Hội nghị lần thứ 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp (tháng 1-1974), nhất trí với chủ trương của Bộ Chính trị và vạch rõ nhiệm vụ của miền Bắc lúc này là nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, ra sức khôi phục phát triển kinh tế và văn hóa, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; củng cố quan hệ sản xuất và chế độ xã hội chủ nghĩa về mọi mặt, ổn định tình hình kinh tế và đời sống nhân dân, ra sức chi viện cho cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào miền Nam.

Trong 2 năm 1973-1974, Chi bộ Cao Trĩ tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị: quán triệt Nghị quyết 22, 228, Chỉ thị 192 của Trung ương; Nghị quyết 33, Chỉ thị 36 của Tỉnh ủy và các Nghị quyết của Huyện ủy cho đảng viên trong Chi bộ. Những đợt sinh hoạt chính trị này nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, bồi dưỡng ý chí cách mạng, giữ gìn phẩm chất, đạo đức; nâng cao năng lực công tác và vai trò lãnh đạo của đảng viên và của tổ chức Đảng. Qua các đợt sinh hoạt chính trị, tự kiểm điểm cho thấy đa số đảng viên trong Chi bộ luôn cố gắng vươn lên, vượt qua mọi khó khăn, nhiều đảng viên tận tụy với nhiệm vụ được giao, mẫu mực trong cuộc sống, có trách nhiệm trong công việc của hợp tác xã, duy trì sinh hoạt Đảng đều đặn, có nền nếp, kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng hủ khuynh.

Bên cạnh việc xây dựng Chi bộ vững mạnh, Cao Trĩ đẩy mạnh phát triển kinh tế trên các lĩnh vực. Đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp, chính quyền xã đã đầu tư đưa các giống lúa mới, năng suất cao vào sản xuất. Bên cạnh cây lúa, các hoa màu như: ngô, khoai lang, lạc và các loại đậu đỗ cũng tăng nhanh cả về diện tích và sản lượng. Chăn nuôi gia súc, gia cầm có những bước phát triển khá, đàn lợn tăng từ 1.012 con (năm 1973) lên 1.120 con (năm 1974); đàn trâu bò tăng chậm. Nhờ những cố gắng nỗ lực của Chi bộ, chính quyền xã Cao Trĩ cùng với bà con nhân dân trong sản xuất, vì vậy năng suất và sản lượng lương thực của xã không ngừng được nâng lên, đời sống của bà con nhân dân trong xã đã được cải thiện, tình trạng đói kém lúc giáp hạt vì thế mà cũng được đẩy lùi.

Tháng 3-1973, Đại hội Chi bộ xã Cao Trĩ nhiệm kỳ 1973-1975 được tổ chức. Đại hội đã xác định: Vì sự nghiệp hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam; sự phát triển của quê hương, Chi bộ và nhân dân Cao Trĩ nêu cao truyền thống anh hùng và tinh thần làm chủ tập thể, hăng hái lao động sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, xóa bỏ đói nghèo, nâng cao đời sống nhân dân, đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cuộc kháng chiến ở miền Nam. Đại hội bầu đồng chí Triệu Văn Tàn giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Lưu Bá Ninh - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Với quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Chi bộ, hai năm 1973-1974, Chi bộ Cao Trĩ đã đẩy lên phong trào thi đua thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp, hoàn thành tốt các đợt tuyển quân, huy động lương thực, thực phẩm theo kế hoạch của Nhà nước. Vụ xuân năm 1973, thời tiết không thuận lợi, rét đậm kéo dài làm cho nhiều diện tích mạ chậm phát triển, trong khi đó, đàn trâu, bò cũng bị chết rét nhiều gây ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất. Chi bộ chỉ đạo hợp tác xã nông nghiệp huy động xã viên khắc phục hậu quả.

Ngoài việc gieo cấy và chăm sóc lúa xuân 1973, Chi bộ đã lãnh đạo nhân dân trong xã đã tích cực làm công tác thủy lợi. Các phong trào làm bèo hoa dâu, lấy bùn ủ khô, rải vôi bột cải tạo đất được phát triển rộng rãi. Bên cạnh việc bón phân chuồng, duy trì mỗi hecta bón từ 150-170kg đạm Sunfat kết hợp bón phân lân theo yêu cầu. Mặt khác, hợp tác xã còn hợp đồng với trạm máy kéo của huyện mở

rộng diện tích làm đất bằng máy. Có từ 20-40% diện tích canh tác được làm đất bằng máy cày. Do việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật, làm tốt các biện pháp thâm canh nên đến năm 1974, xã đã đạt năng suất lúa bình quân 20 tạ/ha. Cây vụ đông, cây màu cũng được phát triển mạnh. Chi bộ chỉ đạo hợp tác xã tích cực chuẩn bị gieo cấy vụ xuân năm 1975. Đến cuối tháng 2-1975, về cơ bản các đội sản xuất đã hoàn thành cấy hết diện tích và bước vào chăm sóc lúa và hoa màu.

Cuối năm 1974 đầu năm 1975, tình hình chiến sự ở miền Nam thay đổi mau lẹ theo hướng có lợi cho cách mạng. Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân khẩn trương hoàn thành công tác chuẩn bị mọi mặt tạo điều kiện chín muồi tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa tiêu diệt ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ Trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân. Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Huyện ủy Chợ Rã chỉ đạo các cơ sở tập trung vào hai nhiệm vụ chính đó là: Hoàn thành các chỉ tiêu tuyển quân và gieo cấy vụ xuân kịp thời vụ. Chi bộ xã Cao Trĩ chỉ đạo các ban ngành tăng cường công tác tư tưởng, tích cực chỉ đạo các tổ đảng, Chi Hội Phụ nữ, Chi Đoàn Thanh niên... vận động thanh niên đi khám tuyển nghĩa vụ. Trong đợt giao quân đầu năm 1975, toàn xã có 3 thanh niên lên đường nhập ngũ.

Mùa xuân năm 1975, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam giành được những thắng lợi quan trọng. Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975 lá cờ cách

mạng tung bay trên nóc dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trải qua 21 năm kháng chiến chống Mỹ đầy gian khổ (1954-1975), Chi bộ và nhân dân xã Cao Trĩ đã góp phần không nhỏ trong việc đập tan các cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, xây dựng và bảo vệ quê hương, tích cực chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam, thống nhất đất nước.

Về xây dựng chủ nghĩa xã hội, tuy có khó khăn do thiên nhiên khắc nghiệt gây ra, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn thiếu thốn, nghèo nàn, lực lượng lao động trẻ khỏe rút đi nhiều nhưng vẫn đạt kết quả tích cực.

Trong lĩnh vực kinh tế, nông nghiệp vẫn từng bước phát triển. Kết quả nổi bật nhất của thời kỳ này đó là: Chi bộ và nhân dân Cao Trĩ đã hoàn thành công tác thủy lợi, đưa giống mới có năng suất cao và áp dụng các biện pháp khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp nên tổng sản lượng lương thực tăng gấp đôi so với 10 năm trước; hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước.

Cùng với mặt trận sản xuất nông nghiệp, Chi bộ, Ủy ban hành chính đã chỉ đạo hai hợp tác xã mua bán và tín dụng, tích cực hoạt động phục vụ, đồng thời hỗ trợ cho sự phát triển của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, tỷ lệ mua cổ phần và gửi tiền tiết kiệm của nhân dân Cao Trĩ còn rất thấp. Nguyên nhân chính là do Cao Trĩ có ít

nghề phụ, chủ yếu dựa vào nghề nông, độc canh cây lúa, đời sống xã viên còn nhiều khó khăn.

Văn hóa - xã hội có nhiều đổi mới. Công tác giáo dục luôn được Chi bộ, chính quyền xã quan tâm chỉ đạo, số lớp của hai trường cấp I và cấp II ngày càng tăng, nhiều năm liền được công nhận là trường tiên tiến của huyện. Cùng với đó, công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được đẩy mạnh. Hàng năm, trạm xá của xã phục vụ tốt việc khám chữa bệnh cho nhân dân, tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh được hạn chế.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, mỗi năm xã Cao Trĩ đã đóng góp cho Nhà nước 15-20 tấn lương thực, 2-4 tấn thực phẩm; từ 4-7 thanh niên vào Nam chiến đấu. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, nhiều thanh niên ưu tú của xã đã hăng hái lên đường đánh Mỹ, trong đó có 12 người đã anh dũng hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc và hàng chục đồng chí để lại một phần xương máu tại chiến trường. Với những thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chống Mỹ cứu nước, Chi bộ và nhân dân Cao Trĩ vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương các loại; nhiều gia đình có bằng Tổ quốc ghi công.

Trải qua 21 năm kháng chiến gian khổ (1954-1975), Chi bộ, chính quyền và nhân dân xã Cao Trĩ đã phát huy cao độ truyền thống yêu nước, cùng quân dân huyện Chợ Rã, tỉnh Bắc Thái thực hiện tốt 2 nhiệm vụ: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, ra sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam đánh đuổi đế quốc Mỹ xâm lược, góp xứng

đáng vào sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà của dân tộc. Từ thực tiễn lãnh đạo phong trào địa phương, Chi bộ xã Cao Trĩ đã không ngừng trưởng thành và lớn mạnh. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế, thậm chí có những sai lầm trong công tác lãnh đạo và thực hiện các nhiệm vụ, nhưng đó sẽ là cơ sở, kinh nghiệm quý báu để cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Cao Trĩ nhìn nhận, khắc phục từng bước.

Chương IV

ĐẢNG BỘ XÃ CAO TRĨ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1976-1995)

I. MƯỜI NĂM ĐẦU XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1985)

1. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976-1980

Đại thắng mùa xuân năm 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ đầy gian khổ nhưng hào hùng của nhân dân ta. Hòa trong niềm vui chung của dân tộc, sau hơn 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân các dân tộc xã Cao Trĩ đã đạt được nhiều kết quả trong sản xuất và chiến đấu; bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Cán bộ, đảng viên được tôi luyện, trưởng thành trong thực tế lãnh đạo phong trào. Nhân dân trong xã có truyền thống yêu nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, có sự đoàn kết và tinh thần khắc phục, vượt qua mọi khó khăn trong những năm kháng chiến. Tinh thần ấy được tiếp tục phát huy sau ngày đất nước thống nhất, trở thành động lực, nguồn cổ vũ lớn lao để Cao Trĩ bước vào thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh những thuận lợi, Cao Trĩ phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trên bước đường đi lên đây thử thách: Trình độ quản lý và nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân xã nhà còn hạn chế; cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật thiếu thốn, lạc hậu; năng suất lao động thấp; thêm vào đó những bất cập trong quản lý kinh tế theo mô hình hợp tác xã ngày càng bộc lộ sâu sắc ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống nhân dân....

Ngày 29-9-1975, Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) ra Nghị quyết về *“Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới”*, trong đó đề cập đến nhiệm vụ cách mạng của miền Bắc là *“đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”*. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24, các tổ chức cơ sở Đảng trong cả nước đã đẩy mạnh cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý trong nông nghiệp ở cơ sở và trong các ngành kinh tế, chăm lo cải thiện đời sống nhân dân, phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất, thi đua tiết kiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tháng 10-1975, Đại hội Chi bộ xã Cao Trĩ nhiệm kỳ 1975-1976 được tổ chức. Đại hội xác định nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ tới là: tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, vận động toàn Đảng, toàn dân đoàn kết phấn đấu khai thác mọi tiềm năng trong xã, ra sức đẩy mạnh sản xuất, phấn đấu tăng nhanh năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo nhiều sản phẩm hàng hóa, phục vụ đời sống

nhân dân, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước. Bên cạnh đó, đẩy mạnh cải tiến công tác quản lý trong các hợp tác xã, đẩy mạnh chăn nuôi và trồng trọt, phát động phong trào thi đua lao động xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, bảo vệ trật tự trị an địa phương, góp phần ổn định và từng bước nâng cao đời sống nhân dân.

Để thực hiện được nhiệm vụ đó, Chi bộ tập trung giải quyết thắng lợi 4 phương hướng cơ bản: tiếp tục đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cây trồng với trọng tâm là cây lúa, ra sức mở rộng diện tích canh tác, diện tích gieo trồng. Tích cực thực hiện phân công lao động, trước hết là trong nông nghiệp. Song song với phát triển kinh tế, chú trọng thực hiện công tác dân số, quyết tâm bằng mọi biện pháp phải hạ thấp tỉ lệ tăng dân số tự nhiên. Đại hội bầu đồng chí Lưu Bá Ninh giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí La Đức Vinh - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng được kiện toàn sau Đại hội là một bước thuận lợi để Chi bộ xã Cao Trĩ lãnh đạo thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy. Trước sự chuyển biến của tình hình và yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng, trong không khí phấn khởi sau ngày chiến thắng, Chi bộ và nhân dân Cao Trĩ bước vào công cuộc khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Chi bộ đề ra.

Sau Đại hội, Chi bộ xã tập trung chỉ đạo công tác củng cố hợp tác xã, phát triển sản xuất. Các hợp tác xã

nông nghiệp, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng tiến hành kiểm kê tài sản, ruộng đất, ngân quỹ và xây dựng kế hoạch tổ chức sản xuất, kinh doanh, bám sát Nghị quyết số 228 của Bộ Chính trị về quản lý kinh tế, Chỉ thị số 208 và 209 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức lại sản xuất, quản lý nông nghiệp, chống tham ô, lãng phí... Riêng trong các hợp tác xã nông nghiệp, bước đầu thực hiện mô hình đội, nhóm chuyên sản xuất và chế độ “Ba khoán” (khoán việc, khoán sản lượng, khoán công điểm). Nhờ đó, hiệu quả sản xuất xã hội chủ nghĩa được củng cố, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nền kinh tế không ngừng được tăng cường.

Để hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp, Chi bộ xã đã chỉ đạo đầu tư tu sửa, nâng cao, xây dựng mới hệ thống thủy lợi, cải tạo ruộng đồng. Năm 1976, diện tích gieo trồng 2 vụ đạt 90ha, năng suất bình quân đạt 1,85 tấn/ha, tổng sản lượng lúa xấp xỉ đạt 166 tấn. Cùng với việc phát triển trồng trọt, Chi bộ xã cũng tích cực tập trung chỉ đạo phát triển ngành chăn nuôi theo hướng toàn diện. Trong hai năm 1975-1976, đàn trâu, bò, ngựa của xã tăng nhanh về số lượng nhằm, đáp ứng nhu cầu về sức kéo cho sản xuất và vận chuyển, đi lại của nhân dân. Năm 1975, toàn xã có 376 con trâu, bò, 115 con ngựa, đến năm 1976 toàn xã có 382 con trâu, 125 con ngựa. Việc chăn nuôi trong các hộ gia đình ngày càng phát triển, đến năm 1976, toàn xã có 990 con lợn, 5.000 con gia cầm các loại.

Là xã miền núi vùng cao có thể mạnh về rừng nên nghề rừng ở Cao Trĩ có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế. Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy sớm đưa nghề

rừng trở thành ngành sản xuất chính nên công tác chăm sóc, trồng rừng luôn được quan tâm, chú trọng. Từ năm 1975-1976, xã trồng mới được 5ha rừng.

Bên cạnh việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hóa cho nhân dân, sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế luôn được Chi bộ, chính quyền xã quan tâm chú trọng. Cùng với những đổi thay về kinh tế, công tác giáo dục phổ thông các cấp (I, II) có bước phát triển. Năm học 1975-1976, học sinh trong xã đều tăng lên cả về số lượng và chất lượng. Các trường học được chuyển về trung tâm xã và được xây dựng lại chắc chắn hơn; các lớp vỡ lòng cũng được củng cố, thu hút hầu hết các cháu đến độ tuổi đi học. Công tác y tế cũng được chú trọng, các phong trào vệ sinh phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được tổ chức, nhờ đó trên địa bàn xã không xảy ra dịch bệnh.

Quốc phòng - an ninh tiếp tục được Chi bộ xã quan tâm, chỉ đạo. Chi bộ luôn xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên. Trên cơ sở đó, Chi bộ đã tiến hành quán triệt đến tất cả cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc. Lực lượng dân quân xã tiếp tục được duy trì ổn định, thường xuyên tham gia diễn tập, luyện tập sử dụng thành thạo nhiều loại vũ khí. Hàng năm, xã đều tổ chức công tác tuyển quân đạt chất lượng tốt, nhiều thanh niên trong xã đã xung phong lên đường tham gia bảo vệ Tổ quốc.

Công tác chính quyền được kiện toàn và thực hiện tốt chức năng quản lý, các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt và nêu cao vai trò của mình. Trong các đoàn thể, Đoàn

Thanh niên luôn nêu cao vai trò đầu tàu trong việc thực hiện các công tác xã hội. Ngoài việc tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, đoàn còn tổ chức tốt ngày “Lao động cộng sản”, mở rộng phong trào cánh đồng thực nghiệm 5 tấn/ha.

Cùng với phong trào của Đoàn Thanh niên, phong trào của Hội Phụ nữ cũng được quan tâm đẩy mạnh. Hội tiến hành vận động chị em tích cực tham gia lao động sản xuất và xây dựng đời sống văn hóa mới.

Nhìn chung, tuy còn khó khăn về sản xuất và đời sống. Song dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, công tác xây dựng chính quyền và củng cố đoàn thể quần chúng đạt được kết quả tốt trên mọi hoạt động, đặc biệt là trong sản xuất, đảm bảo giữ vững ổn định đời sống nhân dân, tạo cơ sở cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của những năm tiếp theo.

Ngày 25-4-1976, hàng chục triệu cử tri cả nước nô nức tham gia bỏ phiếu bầu cử Quốc hội khóa VI (1976-1981), Quốc hội thống nhất của cả nước sau hơn 20 năm chia cắt. Hòa trong không khí ấy, Chi bộ đã vận động nhân dân trong xã tích cực tham gia bầu cử. Kết quả, 97% cử tri trong xã đã tham gia bầu cử đúng luật, sáng suốt lựa chọn những đại biểu ưu tú. Tại kỳ họp đầu tiên (24/6 - 3/7/1976), Quốc hội khóa VI quyết định đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Ủy ban hành chính các cấp được đổi tên thành Ủy ban nhân dân các cấp. Đây là một điểm khởi đầu cho dân tộc ta nói chung, nhân dân Cao Trĩ nói riêng viết nên một trang sử mới về truyền thống quê hương.

Cuộc bầu cử Quốc hội thành công cùng với sự củng cố lại chính quyền địa phương đã làm cho mỗi người dân xã Cao Trĩ hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ người công dân của nước Việt Nam thống nhất, đồng thời cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã hăng hái thi đua thực hiện nhiệm vụ năm 1976 và những năm tiếp theo. Để hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kinh tế của địa phương, các cấp ủy Đảng, chính quyền và các hợp tác xã đã tạo điều kiện thuận lợi để quần chúng nhân dân phát huy quyền làm chủ tập thể của mình trong việc tham gia bàn bạc, xây dựng các kế hoạch sản xuất, phân phối sản phẩm, tham gia góp ý kiến đối với cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Sau khi tổ chức học tập trong Đảng, Chi bộ đã chỉ đạo tổ chức cho quần chúng nhân dân học tập, thảo luận, từ đó bàn biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện ở từng cơ sở. Vì vậy, nhận thức của nhân dân không ngừng được nâng cao, quyền làm chủ ngày càng được phát huy trên mọi lĩnh vực.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV¹, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, năm 1977, Chi bộ xã Cao Trĩ đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1977-1979. Trên cơ sở phân tích và đánh giá toàn diện những kết quả mà Chi bộ xã lãnh đạo đạt được trong

1. Tháng 12-1976, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước; đồng thời thống nhất nhiệm vụ, phương hướng, mục tiêu của kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976-1980).

nhiệm kỳ trước, chỉ ra những yếu kém và tồn tại. Đại hội thống nhất đề ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ lãnh đạo của Chi bộ trong nhiệm kỳ mới là: Nâng cao vai trò lãnh đạo của Chi bộ, tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất mới, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, ra sức phát triển kinh tế nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế. Nghị quyết Đại hội cũng đã xác định một số biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh sản xuất là: tăng cường hoạt động của các hợp tác xã, đảm bảo giao thông, thủy lợi, cây giống, con giống, cung ứng kịp thời các loại vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất. Tổ chức sản xuất đúng theo tinh thần Nghị quyết số 61 của Hội đồng Chính phủ. Đại hội bầu đồng chí Lưu Bá Ninh làm Bí thư Chi bộ, đồng chí La Đức Vinh - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã).

Tiếp đó, đến tháng 4-1979, Chi bộ Đảng xã Cao Trĩ tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1979-1981. Đại hội đã thống nhất nhiệm vụ trọng tâm của toàn Chi bộ là ổn định tổ chức Đảng, tập trung chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành chỉ tiêu, nghĩa vụ đối với Nhà nước. Đại hội bầu đồng chí Lưu Bá Ninh làm Bí thư Chi bộ, đồng chí La Đức Vinh - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã).

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, nhân dân xã Cao Trĩ quyết tâm thi đua sản xuất, thực hiện thắng lợi Nghị quyết hai nhiệm kỳ Đại hội (1977-1979) và (1979-1981) đã đề ra. Trên lĩnh vực kinh tế, Ban Quản trị hợp tác xã được kiện toàn, tăng cường chỉ đạo các đội sản xuất tập trung

lực lượng xây dựng kế hoạch và triển khai các chiến dịch như làm phân bón, thủy lợi, các giống lúa mới có năng suất cao được đưa vào gieo cấy, cơ cấu mùa vụ được thay đổi ngày càng phù hợp hơn. Đội thủy lợi thường xuyên hoạt động, tổ chức các chiến dịch tu bổ, sửa chữa các tuyến đường giao thông, hệ thống mương máng...

Từ năm 1977-1980, xã Cao Trĩ duy trì được tổng diện tích trồng lúa cả năm 92ha, năng suất bình quân đạt 1,93 tạ/ha/vụ, sản lượng đạt từ 173 - 180 tấn/năm. Thời gian này, hợp tác xã nông nghiệp còn chỉ đạo các xã viên tích cực lao động sản xuất, tổ chức cho xã viên khai hoang, phục hóa nhiều diện tích đất còn chưa sử dụng đến nhằm mở rộng diện tích gieo cấy, tăng sản lượng lương thực, thực phẩm. Ngoài gieo cấy lúa, ngô, hợp tác xã còn khuyến khích xã viên trồng thêm cây sắn ở các sườn đồi, soi bãi để bổ sung nguồn lương thực lúc giáp hạt theo tinh thần Nghị quyết số 49 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra ngày 1-3-1977. Đáng chú ý, việc đưa cây đậu tương vào gieo trồng đã có những tác dụng tích cực, giúp cải thiện đời sống. Do đó, diện tích cả hai vụ xuân và hè thu đạt và vượt kế hoạch, cho năng suất khá.

Về chăn nuôi, để bảo vệ mùa màng về phòng chống bệnh dịch gia súc xã chỉ đạo cuộc vận động xóa bỏ tập quán thả rông trâu bò... xây dựng quy ước trong nhân dân. Tính đến năm 1980, tổng đàn trâu, bò toàn xã là 420 con, đàn lợn 1.256 con.

Đối với công tác quốc phòng an ninh: Đất nước được thống nhất, hòa bình chưa lâu thì cuối năm 1977, do có sự hỗ trợ của các thế lực bên ngoài, tập đoàn phản động

Pôn Pôt - Iêngsary (Campuchia) đã công khai phát động cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam nước ta. Trong khi đó, quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc cũng đang diễn ra hết sức căng thẳng. Nguy cơ một cuộc chiến tranh mới có thể nổ ra bất cứ lúc nào. Trước yêu cầu của tình hình thực tế để bảo vệ Tổ quốc, tại kỳ họp thứ 4, ngày 29-12-1978, Quốc hội khóa VI ra Nghị quyết phê chuẩn việc phân vạch địa giới một số tỉnh, thành phố. Theo Nghị quyết này, tỉnh Cao Lạng¹ được chia lại thành hai tỉnh: Cao Bằng và Lạng Sơn. Lúc này, hai huyện Ngân Sơn và Chợ Rã thuộc tỉnh Bắc Thái được sáp nhập vào tỉnh Cao Bằng. Sau khi tái lập, Tỉnh ủy Cao Bằng chủ trương tiếp tục thực hiện Nghị quyết do Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Lạng đề ra từ (4-1977), hai huyện Chợ Rã và Ngân Sơn cùng với các huyện Bảo Lạc (gồm cả huyện Bảo Lâm ngày nay), Nguyên Bình, Thạch Anh thuộc vùng IV của tỉnh với cơ cấu kinh tế trồng lúa - trồng cây công nghiệp - chăn nuôi đại gia súc.

Sau khi sáp nhập vào tỉnh Cao Bằng, chấp hành chủ trương của Trung ương, Huyện ủy Chợ Rã đã lãnh đạo quân dân các địa phương chuẩn bị sẵn tinh thần làm tốt hai nhiệm vụ: chiến đấu và phục vụ chiến đấu khi có chiến tranh nổ ra. Ngày 17-2-1979, Trung Quốc huy động 60 vạn quân tấn công 6 tỉnh biên giới nước ta. Trước tình hình đó, ngày 19-2-1979, từ huyện lỵ Chợ Rã, cán bộ chiến sĩ

1. Cao Bằng sáp nhập với Lạng Sơn thành tỉnh Cao Lạng theo Quyết định kỳ họp thứ hai (27-12-1975) của Quốc hội khóa V.

Tiểu đoàn 127¹ nhận lệnh tiến lên tăng cường cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng, có nhiệm vụ phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh trực tiếp chiến đấu chặn đứng bước tiến quân ồ ạt của kẻ thù vào thị xã, góp phần bảo vệ các cơ sở kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh. Trong bối cảnh đó, địa bàn huyện Chợ Rã được coi là vùng hậu cứ của tỉnh. Do đó, thực hiện chỉ đạo của cấp trên, Chi bộ Đảng, chính quyền và nhân dân xã Cao Trĩ đã khẩn trương tổ chức việc đón nhận đồng bào một số địa phương vùng biên giới về sơ tán. Với tinh thần đoàn kết, cán bộ, nhân dân xã Cao Trĩ đã hết lòng giúp đỡ đồng bào về nơi ăn, chỗ ở, phương tiện sản xuất và điều kiện sinh hoạt.

Trong bối cảnh cả hai đầu biên giới Tổ quốc đều xảy ra chiến sự, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra lời kêu gọi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tập trung sức người, sức của nêu cao tinh thần quyết tâm chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện Lệnh Tổng động viên của Chủ tịch nước (ngày 5-3-1979), Chi bộ Đảng, chính quyền và Ban Chỉ huy Quân sự xã đã thực hiện tốt việc động viên thanh niên tham gia nghĩa vụ quân sự. Kết quả, trong hai năm 1979-1980, toàn xã có 6 thanh niên lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc.

Cùng với công tác quân sự quốc phòng, phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc cũng phát triển

1. Chấp hành Chỉ thị 61-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh Bắc Thái quyết định nhiều nội dung quan trọng, trong đó Tiểu đoàn 5 đổi phiên hiệu thành Tiểu đoàn 127.

rộng khắp. Các tổ an ninh nhân dân được củng cố và hoạt động có hiệu quả, làm nòng cốt trong công tác giữ gìn an ninh trật tự ở địa phương và từng thôn bản. Xây dựng, củng cố và tăng cường lực lượng dân quân tự vệ cả về số lượng và chất lượng, phát động phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc trong toàn dân; mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng từ trong Đảng đến quần chúng nhằm giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ âm mưu, bản chất của kẻ thù.

Những năm cuối thập niên 70, trong bối cảnh cuộc chiến tranh ở hai đầu biên giới Tổ quốc diễn ra ác liệt, do đó, việc thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng ở từng địa phương được coi là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Từ năm 1977-1980, Chi bộ xã Cao Trĩ nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 13- CT/TU ngày 14-9-1978 của Tỉnh ủy Cao Bằng về việc tăng cường công tác bảo vệ Đảng trong tình hình mới, đảm bảo cho Đảng vững mạnh về tư tưởng, tổ chức, trong sạch về chính trị; đồng thời tiếp tục thực hiện Chỉ thị 72 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về xây dựng cơ sở, tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh. Thông qua hướng dẫn của Huyện ủy Chợ Rã, Ban Chi ủy xã mở một số đợt sinh hoạt chính trị tư tưởng hướng về Đảng vinh quang, Bác Hồ vĩ đại nhằm khơi dậy truyền thống cách mạng của mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Từ đầu năm 1980, thực hiện Chỉ thị số 83 ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư Trung ương về việc phát triển đảng viên, Chi bộ xã Cao Trĩ tổ chức học tập, quán triệt nội dung yêu cầu phát triển đảng viên, coi đây là công tác quan trọng có ý nghĩa giáo dục chính trị sâu sắc để nâng cao hơn nữa ý thức Đảng,

tinh thần phấn đấu cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết nội bộ.

Công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên mới cũng được Chi bộ chú trọng. Thông qua hoạt động của các đoàn thể quần chúng, nhất là Đoàn Thanh niên, Chi ủy đã lựa chọn được những cá nhân tích cực để tạo điều kiện, bồi dưỡng, kết nạp họ vào Đảng. Về cơ bản, các đồng chí đảng viên mới đều phát huy tốt vai trò tiên phong, gương mẫu, là lực lượng xung kích trong các phong trào thi đua lao động sản xuất, bảo vệ Tổ quốc.

Để giữ nghiêm kỷ luật và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, thông qua các đợt học tập, phân loại, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Chi bộ từng bước sàng lọc. Hầu hết cán bộ, đảng viên đều nâng cao nhận thức tư tưởng, nắm bắt được tình hình cách mạng giai đoạn mới, xác định rõ trách nhiệm trong việc lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi các chủ trương đường lối của Đảng. Qua thực tiễn phong trào cách mạng ở địa phương, nhất là trước diễn biến phức tạp của tình hình chiến tranh biên giới phía Bắc và Tây Nam, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Chi bộ đều vững vàng, kiên định, gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hoạt động của các tổ chức đoàn thể: Hội Phụ nữ đã tổ chức phong trào thi đua “Cây nhanh, cây giỏi”. Đoàn Thanh niên phát động đợt thi đua làm phân bón ruộng, làm thủy lợi. Các hợp tác xã thi đua cấy trồng hết diện tích, đạt năng suất cao... Các phong trào thi đua diễn ra hết sức sôi nổi góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế.

Để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và đoàn kết nhân dân lao động, đưa nông thôn nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội, ngày 27-9-1979, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 78-CT/TW về việc tổ chức Hội liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam¹. Chỉ thị khẳng định: Hội liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam là tổ chức quần chúng rộng rãi, nông dân lao động, hăng hái phấn đấu vào con đường ăn tập thể xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc tự nguyện. Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, cuối năm 1979, Hội Nông dân tập thể xã Cao Trĩ được thành lập. Từ đây, Hội luôn bám sát các chương trình, kế hoạch, Nghị quyết của các cấp, phát huy vai trò của tổ chức Hội trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế xã nhà.

Hội Phụ nữ với 130 hội viên đã phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nếp sống mới. Chị em phụ nữ đều giữ vai trò tích cực trong việc vận động chồng con tòng quân, chấp hành chính sách hậu phương quân đội, chăm lo hạnh phúc cho gia đình. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, lực lượng thanh niên luôn hăng hái đi đầu trong các phong trào. Đoàn Thanh niên xã gồm 110 đoàn viên đã tích cực tham gia thực hiện tốt phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể” trên nhiều lĩnh vực. Trong phát triển nông nghiệp, Đoàn đảm nhiệm các công

1. Ngày 1-3-1988, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 42-QĐ/TW về việc đổi tên Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam thành Hội Nông dân Việt Nam. Tại phiên họp ngày 17-1-1991, Bộ Chính trị đã đồng ý lấy ngày 14-10 làm ngày kỉ niệm Hội Nông dân Việt Nam.

việc khó khăn như làm thủy lợi, phân bón, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.

Như vậy, sau 5 năm thống nhất đất nước, thực hiện kế hoạch Nhà nước lần thứ hai (1976-1980) mặc dù gặp không ít khó khăn thử thách, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chi bộ Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Cao Trĩ không những thực hiện đủ nghĩa vụ nộp sản phẩm cho Nhà nước mà còn hoàn thành các chỉ tiêu trên lĩnh vực phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của địa phương. Đó là điều kiện cơ bản để Cao Trĩ tiếp tục phấn đấu đi lên trong chặng đường phía trước.

2. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp (1981-1985)

Từ cuối thập niên 70 đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, nền kinh tế nước ta lâm vào khủng hoảng. Sản xuất trì trệ, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế bị giảm sút, nhiều mặt bị mất cân đối nghiêm trọng. Đời sống nhân dân khó khăn, lương thực, thực phẩm, hàng hóa khan hiếm. Những thiếu sót, khuyết điểm trong tổ chức, quản lý và chỉ đạo thực hiện các kế hoạch Nhà nước cùng với chế độ quản lý hành chính bao cấp coi nhẹ kinh tế thành phần là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng khủng hoảng. Thêm vào đó, tình hình thời tiết thất thường, thiên tai, lũ lụt thường xuyên xảy ra cũng là nguyên nhân khiến cho sản xuất nông nghiệp rơi vào đình trệ... Năm 1980 - năm kết thúc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976-1980), mặc dù Cao Trĩ đã giành được những kết quả tích cực trên nhiều phương diện, nhưng nhìn chung các chỉ tiêu đạt được còn thấp, lương thực, thực phẩm,

hàng tiêu dùng còn thiếu; năng suất, chất lượng giảm; đời sống cán bộ, nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Tình hình đó, đặt ra cho cấp ủy Đảng, chính quyền nhiệm vụ cần phát huy tinh thần trách nhiệm, ý chí tự chủ, sáng tạo để tạo ra bước chuyển mới trên mặt trận kinh tế, văn hóa - xã hội.

Nhằm tháo gỡ những khó khăn của nền kinh tế, ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp (Khoán 100). Mục đích của Chỉ thị số 100 là đảm bảo phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế. Đối với hợp tác xã nông nghiệp, phải quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả tư liệu sản xuất, giải phóng sức lao động và quyền làm chủ tập thể của xã viên. Chỉ thị 100 được ban hành đã đáp ứng bước đầu đòi hỏi cấp bách của tình hình sản xuất nông nghiệp của các địa phương; mở ra bước phát triển mới trong ngành nông nghiệp nước nhà.

Giữa năm 1981, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, Đại hội Chi bộ xã Cao Trĩ nhiệm kỳ 1981-1983 được tổ chức. Đại hội đã nghe báo cáo về những kết quả đã đạt được; đồng thời tập trung thảo luận, thống nhất các mục tiêu về phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng an ninh. Trong đó, nhiệm vụ trước mắt là nhanh chóng đưa chỉ thị khoán 100 vào đời sống nhân dân. Đại hội bầu đồng chí Lưu Bá Ninh làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Văn Phát - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã).

Chấp hành Nghị quyết Đại hội, Chi bộ xã Cao Trĩ tổ chức các đợt học tập và xây dựng kế hoạch chi tiết việc thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động

theo tinh thần Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư. Nhằm đảm bảo thắng lợi việc thực hiện Chỉ thị số 100, ngay từ vụ sản xuất đầu tiên, Ban Quản trị hợp tác xã được củng cố, kiện toàn lại theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Việc rà soát lại ruộng đất, nhân khẩu cũng được thực hiện gấp rút. Trên cơ sở đó, hợp tác xã tính toán các phương án giao khoán cho xã viên ở từng thôn, mức sản lượng giao khoán tùy thuộc vào từng khu ruộng. Theo đó, xã viên đảm bảo 3 khâu là: gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch; Hợp tác xã đảm nhận 5 khâu còn lại là: cung cấp giống, làm đất, phân bón, bảo vệ thực vật và thủy lợi.

Mặc dù sản xuất lương thực năm 1981 có nhiều khó khăn, lúa bị rầy nâu, bọ xít phá hoại nhiều nhưng sản lượng lương thực quy thóc trên địa bàn xã vẫn đạt khoảng 250 tấn, bình quân nhân khẩu nông nghiệp đạt 20kg/người/tháng. Năm 1982, diện tích lúa canh tác toàn xã đạt 95ha, năng suất lúa bình quân đạt 1,97 tấn/ha, sản lượng lúa đạt xấp xỉ 177 tấn. Nhờ cố gắng duy trì phát triển sản xuất, xã hoàn thành nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước, mỗi năm là 15 tấn lương thực, 3 tấn thực phẩm.

Nhìn chung, Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp đã tạo bước phát triển tích cực của sản xuất, nâng cao thu nhập cho xã viên. Ngoài các khâu nhận khoán, xã viên còn tham gia các khâu công việc chung và được tính điểm, do vậy nguồn thu của xã viên ngoài phần vượt khoán còn có thêm từ số công điểm. Đời sống nhân dân bớt khó khăn.

Năm 1983, Chi bộ Cao Trĩ tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1983-1985. Đại hội đã tổng kết 3 năm thực hiện Chỉ

thị số 100 của Ban Bí thư về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn. Khoán theo Chỉ thị số 100 là bước tiến so với cơ chế quản lý trước đây, vừa phát huy vai trò điều hành chung và hướng dẫn chuyên môn của hợp tác xã, vừa phát huy tính sáng tạo, ý thức trách nhiệm của người lao động. Bà con xã viên gắn bó hơn với sản xuất, linh hoạt, chủ động hơn trong thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích và nâng cao hiệu quả sản xuất. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Đại hội cũng mạnh dạn chỉ ra những hạn chế trong quá trình thực hiện. Đó là việc chỉ đạo sản xuất cũng như quản lý lao động của hợp tác xã chưa chặt chẽ, chưa phát huy cao tinh thần làm chủ của xã viên, chưa kiểm tra đôn đốc sát sao. Đại hội bầu đồng chí Lưu Bá Ninh làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Văn Phát - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã).

Sau Đại hội, Chi bộ tiếp tục lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội. Mặc dù việc thực hiện Chỉ thị 100 mới chỉ trải qua một thời gian ngắn song nền nông nghiệp Cao Trĩ đã có nhiều chuyển biến tích cực. Trong hoàn cảnh thời tiết diễn biến thất thường; nguyên liệu, vật tư thiếu thốn; hợp tác xã đầu tư còn hạn chế, song với sự lãnh đạo của tập thể Ban Chi ủy, Ủy ban nhân dân, Hợp tác xã nông nghiệp Cao Trĩ cùng với sự đầu tư thêm ngày công, phân bón của bà con xã viên; kết hợp với việc áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất đã đưa sản lượng lương thực của toàn xã tăng nhanh. Từ thực trạng năng suất và sản lượng lương thực sụt giảm mạnh,

sản xuất đình trệ, hàng hóa khan hiếm, đến những năm 1984, năng suất đạt 2 tấn/ha/vụ.

Cùng với sự phát triển của đời sống kinh tế, công tác giáo dục cũng được Chi bộ chú trọng. Năm 1982, trường Trung học cơ sở xã Cao Trĩ được thành lập do thầy Bé Thiện Khoan làm Hiệu trưởng. Ngoài việc đầu tư kinh phí xây dựng trường lớp, mua sắm đồ dùng học tập, chính quyền còn cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên các cấp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục.

Trong những năm 1981-1986, mặc dù trạm xá xã không còn hoạt động, nhưng công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân không vì thế mà giảm sút. Các hoạt động văn nghệ, thể thao tiếp tục phát triển, thu hút đông đảo nhân dân, đặc biệt là tầng lớp thanh, thiếu niên tham gia. Chi ủy, chính quyền xã luôn quan tâm chỉ đạo việc tổ chức hội diễn văn nghệ trên quy mô toàn xã, góp phần đẩy mạnh phong trào văn nghệ quần chúng tại các bản. Những biểu hiện văn hóa thiếu lành mạnh như cờ bạc, rượu chè, trộm cắp, mê tín dị đoan... từng bước được hạn chế và đẩy lùi.

Cùng với phát triển kinh tế, công tác quốc phòng - an ninh được củng cố và phát triển tốt. Chất lượng hoạt động của lực lượng công an và xã đội ngày càng vững vàng hơn. Hàng năm, công tác tuyển quân được xã hoàn thành 100%. Từ năm 1983-1985, toàn xã có 7 thanh niên lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc. Quán triệt Chỉ thị số 92-CT/TW (8-1980) của Ban Bí thư Trung ương Đảng về cuộc vận động xây dựng lực lượng công an trong sạch, vững mạnh

và đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 2-12-1980 của Bộ Chính trị về nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và giữ trật tự an toàn xã hội và các Nghị quyết số 01, Nghị quyết số 05 của Tỉnh ủy Cao Bằng, Chi bộ đã triển khai học tập sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đồng thời phát động phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Dựa vào nhân dân, chính quyền và lực lượng công an xã đã phát hiện và giáo dục, cải tạo hàng chục người có biểu hiện tiêu cực, vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước. Qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Chi bộ củng cố thêm khối đoàn kết dân tộc và mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng với nhân dân, củng cố an ninh chính trị, giữ vững trật tự, trị an xã hội.

Từ quá trình lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương, Chi bộ Đảng xã Cao Trĩ đã không ngừng lớn mạnh. Đội ngũ đảng viên luôn giữ vững phẩm chất cách mạng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc sinh hoạt được duy trì đều đặn, chất lượng sinh hoạt ngày càng được nâng cao. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng nhằm củng cố, nâng cao tinh thần đoàn kết, nhất trí trong Đảng, xây dựng Chi bộ Đảng trong sạch, vững mạnh luôn được Chi bộ xã Cao Trĩ coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Do đó, về cơ bản các đảng viên trong Chi bộ đều phát huy được tính tiên phong, gương mẫu, đi đầu trong các phong trào của địa phương.

Công tác kiểm tra, giữ vững kỉ luật trong Đảng được tiến hành thường xuyên đối với từng tổ Đảng và đảng

viên. Những cán bộ, đảng viên không gương mẫu, lệch lạc về tư tưởng nhận thức, vi phạm Điều lệ Đảng đều bị Chi bộ kiên quyết xử lý kỉ luật. Qua đó, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết, tăng cường sức chiến đấu của tổ chức Đảng để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Sức mạnh và kỷ luật của Chi bộ Đảng là nhân tố tiên quyết đảm bảo mọi thắng lợi ở địa phương.

Để đảm bảo thực hiện có hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội, Chi bộ Đảng tăng cường lãnh đạo đối với các đoàn thể, chú trọng đổi mới cả về tổ chức và phương thức hoạt động, tăng cường tập hợp quần chúng phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ mới. Mặt trận Tổ quốc xã phát huy mạnh mẽ khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao sự thống nhất về tư tưởng và hành động cách mạng, động viên các tầng lớp nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, tổ chức tốt đời sống vật chất và tinh thần, giữ gìn tốt an ninh, trật tự trong thôn bản.

Như vậy, những năm 1981-1985, mặc dù tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn xã còn gặp nhiều khó khăn do nằm trong bối cảnh kinh tế đất nước khủng hoảng nhưng Chi bộ, chính quyền và nhân dân trong xã luôn đoàn kết một lòng vượt qua khó khăn, thử thách để thực hiện những mục tiêu đã đề ra. Bên cạnh những kết quả đạt được, Cao Trĩ vẫn tồn tại một số hạn chế và khó khăn: cơ chế quản lý kinh tế quan liêu bao cấp tiếp tục là lực cản, kìm hãm hoạt động sản xuất cũng như tính sáng tạo, chủ động của người xã viên; trong bối cảnh khó khăn chung

của cả nước nên sự hỗ trợ của cấp trên với địa phương là vô cùng khó khăn; thêm vào đó trong khi đó trình độ dân trí thấp và năng lực quản lý của cán bộ lãnh đạo còn hạn chế khiến cho nhiều mặt hoạt động tỏ ra kém hiệu quả... Khắc phục những tồn tại trên cũng được Chi ủy, chính quyền xác định là nhiệm vụ khó khăn, lâu dài.

10 năm sau ngày thống nhất (1975-1985), giữa những khó khăn chung của tình hình đất nước và xuất phát điểm thấp của địa phương, Chi bộ, chính quyền và nhân dân xã Cao Trĩ với sự đoàn kết nhất trí cao đã chủ động khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được đảm bảo cải thiện; vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng và chính quyền ở địa phương tiếp tục được củng cố và giữ vững. Đó là những tiền đề quan trọng tạo cơ sở vững chắc cho Chi bộ và nhân dân Cao Trĩ vững bước đi lên trong chặng đường đổi mới.

II. THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986-1995)

1. Những năm đầu thực hiện đổi mới (1986-1990)

Từ ngày 5 đến ngày 14-12-1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Từ thực tiễn lãnh đạo, cũng như yêu cầu thay đổi cơ chế quản lý để phù hợp với tình hình mới, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đi đến nhất việc thông qua đường lối đổi mới. Trong đó, yêu cầu đổi mới về kinh tế được coi là trọng tâm cần thực hiện. Đại hội quyết định: xóa bỏ nền kinh tế bao cấp; chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh; đồng thời thông qua 3 chương trình kinh tế lớn là

sản xuất lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Có thể khẳng định, Đại hội VI của Đảng đã thể hiện bước đột phá mới cả về tư duy lãnh đạo của Đảng ta, mở ra thời kỳ phát triển mới trong tiến trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội của đất nước.

Trên tinh thần đổi mới của Đảng và thực trạng kinh tế - xã hội của địa phương, đòi hỏi Chi bộ Đảng xã Cao Trĩ phải nắm bắt được quan điểm đổi mới trong tư duy lãnh đạo, phương pháp, cách nghĩ, cách làm, có những chỉ đạo cụ thể và giải quyết những vấn đề cấp bách của địa phương. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng Chi bộ và chính quyền xã Cao Trĩ đã chủ động lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong xã triển khai công cuộc đổi mới, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, tháo gỡ khó khăn, từng bước đưa địa phương thoát khỏi tình trạng kém phát triển. Tháng 6-1985, Đại hội Chi bộ xã nhiệm kỳ 1985-1987 được tổ chức. Đại hội đã thảo luận, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ trước, khẳng định những kết quả đạt được trên các lĩnh vực là cơ bản, nhất là thành quả trong sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ mới: tiếp tục xây dựng Chi bộ vững mạnh, thực sự đổi mới về tác phong làm việc, bảo đảm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, khai thác mọi tiềm năng sẵn có của địa phương; coi sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, thực hiện tốt 3 chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Tại Đại hội, đồng chí Hoàng Xuân Tình được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Văn Phát - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã).

Tiếp đó, trong hai năm 1987 và 1989, xã Cao Trĩ tổ chức thành công hai kỳ Đại hội (nhiệm kỳ 1987-1989 và 1989 - 1991). Trong cả hai kỳ, đồng chí Hoàng Văn Phương đều được tín nhiệm bầu giữ chức Bí thư, đồng chí Hoàng Văn Phát - làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã)¹. Đặc biệt, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng cơ sở trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội ở địa phương, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy Ba Bể², năm 1988, Đảng bộ xã Cao Trĩ được thành lập. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cao Trĩ lâm thời do đồng chí Hoàng Văn Phương làm Bí thư. Đây là sự kiện quan trọng, đánh dấu sự phát triển và trưởng thành của tổ chức Đảng ở Cao Trĩ. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, cán bộ, đảng viên và nhân dân Cao Trĩ tiếp tục bắt tay vào công cuộc xây dựng quê hương, đất nước thêm giàu đẹp.

Trên lĩnh vực nông nghiệp, sau 7 năm thực hiện Chỉ thị khoán 100 (1981-1988), Cao Trĩ đã giành được những kết quả nhất định trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Tuy nhiên, tại huyện Ba Bể nói chung và xã Cao Trĩ nói riêng việc thực hiện khoán đã bộc lộ nhiều hạn chế, do mức khoán quá cao, trong khi đó năng suất lúa còn thấp, sản phẩm thu được không tương xứng với công sức bỏ ra nên tình trạng xã viên chán nản không muốn đầu tư sản

1. Năm 1990, đồng chí Vi Quang Dũng thay đồng chí Hoàng Văn Phát giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

2. Theo quyết định số 144/HĐBT ngày 06-11-1984 của Hội đồng Bộ trưởng, huyện Chợ Rã được đổi tên thành huyện Ba Bể.

xuất diễn ra ngày càng nhiều, ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình sản xuất của địa phương. Tình trạng tài sản, vật tư của tập thể bị thất thoát hư hỏng, mất mát và nợ đọng sản phẩm diễn ra nhiều... Đó là những khó khăn mà không chỉ Cao Trĩ đối mặt, mà cũng là tình trạng chung của nhiều địa phương trên cả nước.

Trước thực trạng đó, ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về “Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp” (gọi tắt là Khoán 10). Khoán 10 là một bước đổi mới trong cơ chế quản lý nông nghiệp ở nước ta, trên cơ sở kế thừa và phát huy những ưu điểm của chế độ Khoán 100 trước đây, với hai định hướng cơ bản:

Một là, thực hiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến hộ xã viên, hộ xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản, xóa bỏ chế độ công điểm.

Hai là, xóa bỏ chế độ thu mua lương thực theo giá thấp, thực hiện cơ chế một giá, lưu thông lương thực tự do.

Nhằm nhanh chóng đưa Nghị quyết 10 của Trung ương vào đời sống nhân dân, từ giữa năm 1988, Đảng bộ huyện Ba Bể đã tổ chức các buổi học tập, quán triệt nội dung của Khoán 10 cho cán bộ đảng viên các xã. Nhờ vậy, đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân Cao Trĩ luôn tin tưởng vào việc tổ chức thực hiện Nghị quyết. Đảng ủy xã đã họp bàn, thành lập Ban chỉ đạo khoán. Trên cơ sở đó, Ban chỉ đạo vạch kế hoạch, phương án triển khai thực hiện khoán. Đến đầu năm 1989, hầu hết tài sản của tập thể như: trâu, bò, máy móc, nông cụ sản xuất... đã được hóa giá, chuyển nhượng hoặc giao khoán cho xã viên sử dụng. Mọi khoản đóng góp với Nhà nước và tập thể được thanh

toán bằng sản phẩm theo đơn vị diện tích canh tác, xóa bỏ chế độ bao cấp bằng công điểm.

Khoán 10 được triển khai đã tạo nên một luồng sinh khí mới trong sản xuất cũng như trong cuộc sống của người dân Cao Trĩ. Nhân dân phấn khởi nhận ruộng khoán, đầu tư sức lao động, phân bón, kỹ thuật để tăng năng suất, đưa phần vượt khoán tăng cao. Sản xuất lương thực, thực phẩm ổn định đã góp phần thúc đẩy phát triển chăn nuôi, nhất là chăn nuôi trong hộ gia đình. Đoàn gia cầm phát triển đã đáp ứng một phần nhu cầu thực phẩm, nâng cao thu nhập cho nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Cao Trĩ tiếp tục đưa các giống lúa có năng suất cao như: CR203, VI4, ngô TSB1, TSB2, MSB49 vào sản xuất, tận dụng mọi khả năng làm phân chuồng, phân xanh kết hợp với phân đạm và lân. Nhờ đó, năng suất lúa toàn xã năm 1990 đạt 2,2 - 2,3 tấn/ha/vụ. Tuy nhiên, nhìn chung sản lượng lương thực vẫn chưa cao, về cơ bản vẫn còn nhiều hộ bị đói những lúc giáp hạt.

Công tác giáo dục, y tế luôn được Đảng bộ quan tâm, cơ sở vật chất của các trường học, trạm y tế được kiên cố hóa. Thực hiện Nghị quyết số 14 của Trung ương Đảng, Đảng bộ xã đã lãnh đạo Ban Giám hiệu các nhà trường tăng cường cải cách giáo dục, ổn định việc dạy và học, duy trì sĩ số học sinh, nâng cao chất lượng giảng dạy. Các thầy cô giáo vùng cao mặc dù gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng vẫn quyết tâm bám trường, bám lớp. Hệ thống giáo dục vẫn được duy trì ở cả ba cấp, mẫu giáo, cấp I, cấp II. Tỷ lệ lên lớp đạt 95%, tỷ lệ tốt nghiệp đạt từ 95% trở lên.

Năm 1987, trạm xá xã sau 20 năm dừng hoạt động đã được xây dựng lại tại khu Khuổi Chừa thuộc thôn Bản Piềng với một căn nhà gỗ 1 phòng. Mặc dù trang thiết bị, điều kiện cơ sở hạ tầng của trạm còn thô sơ, nhưng đã giải quyết được một phần nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân.

Thực hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, công tác đền ơn đáp nghĩa được Đảng bộ và các đoàn thể quan tâm, thăm hỏi, động viên các gia đình thương binh, liệt sỹ, người già neo đơn. Những chính sách của Đảng và Nhà nước luôn được thực hiện đầy đủ, đảm bảo quyền lợi cho mỗi cá nhân và gia đình. Vào các dịp lễ tết, đại diện Đảng ủy, Ủy ban nhân dân đều thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, đồng thời vận động nhân dân đóng góp, giúp đỡ cho các đối tượng chính sách và gia đình thân nhân liệt sỹ.

Công tác quốc phòng - an ninh trên địa bàn xã luôn được đẩy mạnh. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đảng bộ đồng thời cũng tập trung chỉ đạo tốt công tác quản lý hộ tịch, hộ khẩu, biên chế lực lượng cùng với dân quân, thường xuyên tuần tra canh gác, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những biểu hiện tiêu cực, gây rối. Trọng tâm của nhiệm vụ quốc phòng trong thời gian này là đẩy mạnh giáo dục toàn dân, toàn quân, nâng cao ý thức cảnh giác, tích cực phòng chống âm mưu “Bạo loạn lật đổ” và “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Đồng thời triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở xã vững mạnh toàn diện, an toàn, làm chủ, sẵn sàng chiến đấu theo 5 nội dung quy định của Chính

phủ (tháng 10-1990). Hàng năm, xã tích cực động viên thanh niên nhập ngũ, lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường củng cố xây dựng lực lượng dân quân du kích vững mạnh về mọi mặt, kết hợp chặt chẽ với lực lượng công an, quyết tâm triệt phá nhiều nhóm cờ bạc, cướp bóc, nghiện hút trên địa bàn xã.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ cũng quan tâm thực hiện công tác xây dựng Đảng. Thực hiện Chỉ thị số 79-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng Đảng viên, Đảng bộ đẩy mạnh công tác chính trị - tư tưởng, sắp xếp đội ngũ cán bộ, tăng cường kiểm tra, đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện mất đoàn kết, cục bộ.

Trong công tác chính trị tư tưởng, những năm cuối thập niên 80 đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến phức tạp, khó khăn. Tư tưởng, chính trị của quần chúng, đảng viên ít nhiều bị chi phối bởi những tác động của điều kiện khách quan, gây tâm lý lo lắng trước sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo, Đảng ủy đặc biệt quan tâm giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo nên sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ.

Công tác đảng viên đã được Đảng bộ chú ý trên cả 3 mặt: bồi dưỡng nâng cao năng lực và phẩm chất đảng viên, thường xuyên làm trong sạch đội ngũ đảng viên, kết nạp đảng viên mới. Qua khảo sát phân tích chất lượng

đảng viên đến tháng 6-1990, Đảng bộ có hơn 80% số đảng viên phát huy tốt cả phẩm chất và năng lực. Bên cạnh đó, Đảng bộ đặc biệt quan tâm đến công tác phát triển đảng viên mới. Đảng bộ cơ sở có nhiều cố gắng trong công tác tổ chức, vận động quần chúng, phát hiện quần chúng tích cực và có kế hoạch bồi dưỡng quần chúng ưu tú vào Đảng. Trung bình mỗi năm, Đảng bộ kết nạp được 4-5 đồng chí đảng viên mới.

Cùng với việc nâng cao chất lượng sinh hoạt và chất lượng đội ngũ đảng viên, công tác kiểm tra việc thực hiện quy chế, Điều lệ Đảng cũng được Đảng bộ chú trọng. Thông qua các hoạt động kiểm tra, chất lượng sinh hoạt cũng như ý thức tổ chức kỷ luật của đảng viên được nâng lên. Uy tín của tổ chức Đảng đối với quần chúng được củng cố, vai trò lãnh đạo của Đảng được thể hiện sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Công tác vận động quần chúng cũng được Đảng bộ quan tâm đúng mức, kịp thời. Nội dung và phương thức hoạt động ngày càng được cải tiến, mối quan hệ giữa đảng viên và quần chúng ngày càng gần gũi, gắn bó hơn, tạo ra mối quan hệ tốt trong việc triển khai các chương trình, hành động của Đảng bộ và chính quyền đến quần chúng nhân dân. Nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên được xác định là phối hợp với Ủy ban nhân dân xã để tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là thực hiện tốt chương trình Khoán 10.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền xã ngày càng được củng cố. Ủy ban nhân dân xã phát huy trách nhiệm trong quản lý xã hội, đảm bảo lợi ích của nhân dân. Chính quyền thực hiện các chính sách hợp lý, đồng thời kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm kỷ luật, đảm bảo trật tự trị an trên địa bàn. Đội ngũ cán bộ Ủy ban nhân dân và đại biểu của Hội đồng nhân dân xã thường xuyên được học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực quản lý xã hội nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của mình đối với nhân dân. Bằng những chương trình hành động cụ thể, chính quyền và Hội đồng nhân dân xã đã tạo điều kiện cho nhân dân phát triển kinh tế, khơi nguồn sáng tạo trong quần chúng, phát huy dân chủ, ngăn chặn kịp thời những tệ nạn xã hội mới nảy sinh. Nhiều mặt công tác của chính quyền đạt kết quả cao như: thực hiện huấn luyện và tuyển quân các đợt theo Chỉ thị 135-CT/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng.

Mặt trận Tổ quốc xã do ông Triệu Văn Tàn làm Chủ tịch luôn làm tốt nhiệm vụ vận động nhân dân thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Mặt trận và các tổ chức thành viên đã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã để tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, đặc biệt là thực hiện tốt Khoản 10.

Đoàn Thanh niên xã Cao Trĩ đã xây dựng được nhiều phong trào gắn liền với các chủ trương, Nghị quyết của Đảng bộ, duy trì nền nếp sinh hoạt Đoàn như: triển khai học tập các Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, Huyện

ủy và Đảng bộ xã; học tập Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Hôn nhân gia đình; thực hiện 10 điều quy ước của thanh niên có văn hóa, tổ chức những hoạt động bổ ích cho thiếu niên, nhi đồng. Thông qua các phong trào tập thể, đoàn viên, thanh niên xã Cao Trĩ đã nhận thức sâu sắc hơn về lý tưởng cộng sản, về đạo đức cách mạng, hăng hái trong lao động sản xuất, học tập và rèn luyện quân sự.

Hội Phụ nữ xã Cao Trĩ với 174 hội viên do bà La Thị Nhói làm Hội trưởng đã phát động nhiều phong trào thi đua yêu nước thiết thực. Cuộc vận động “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” được đông đảo chị em hưởng ứng. Phụ nữ xã trở thành một trong những lực lượng chính trong việc áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, chủ động thực hiện phong trào kế hoạch hóa gia đình, hạ tỷ lệ gia tăng dân số. Phong trào nuôi con khỏe, dạy con ngoan, xây dựng gia đình văn hóa mới được chị em trong xã nhiệt tình hưởng ứng và đạt được nhiều thành tích.

Trong 5 năm đầu đổi mới theo đường lối của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986-1990), nhất là hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy, sự giúp đỡ của các cấp, các ngành, Đảng bộ và nhân dân xã Cao Trĩ đã đoàn kết, đứng vững trước những khó khăn để đạt được những kết quả đáng khích lệ trên tất cả các lĩnh vực. Các mặt kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế đều có những bước phát triển mới. Đời sống nhân dân ổn định và bắt đầu có tích lũy. Đảng bộ dần trưởng thành, số lượng và chất lượng đảng viên không ngừng được nâng cao. Tuy vậy,

khó khăn, thử thách vẫn còn không ít, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nguồn lao động của xã chưa được sử dụng hết, cơ sở hạ tầng ở địa phương còn thấp kém. Song những kết quả mà toàn Đảng bộ và dân Cao Trĩ đã đạt được là những tiền đề quan trọng, tạo bước tiến cho giai đoạn tiếp theo.

2. Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới, ổn định tình hình kinh tế - an ninh chính trị địa phương (1991-1995)

Đầu năm 1991, Đảng bộ xã Cao Trĩ long trọng tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1991-1995. Đại hội đã tập trung thảo luận và thông qua nhiều vấn đề quan trọng:

Về phát triển kinh tế, Đại hội khẳng định: để kinh tế xã nhà phát triển ổn định, hiệu quả, cần phải kết hợp kinh tế nông nghiệp với phát triển đa dạng các ngành nghề như cơ khí, thương mại - dịch vụ và sản xuất vật liệu xây dựng.

Về chính trị: tiếp tục củng cố hệ thống chính trị của địa phương, thường xuyên đổi mới và chỉnh đốn Đảng để không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên.

Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 9 đồng chí: Ban Chấp hành bầu các đồng chí: Hoàng Văn Phương - Bí thư Đảng ủy, Vi Quang Dũng - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã)¹.

Sau Đại hội, Đảng bộ xã tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất, đồng thời khắc phục khó khăn về thời tiết như: hạn hán, sâu bệnh. Sau khi hoàn thành việc khoán ruộng

1. Năm 1994, đồng chí Vi Quang Dũng thay đồng chí Hoàng Văn Phương giữ chức Bí thư Đảng ủy xã, đồng chí Long Hữu Đại thay đồng chí Vi Quang Dũng giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.